

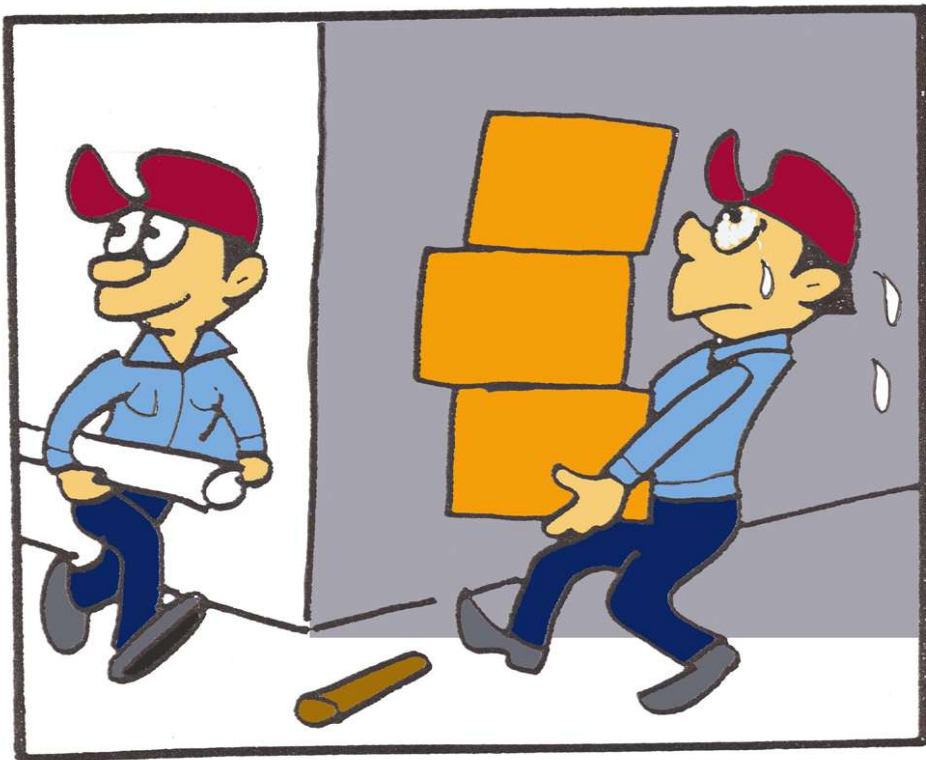


HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Đối tượng: Nhân viên mới

NỘI QUY



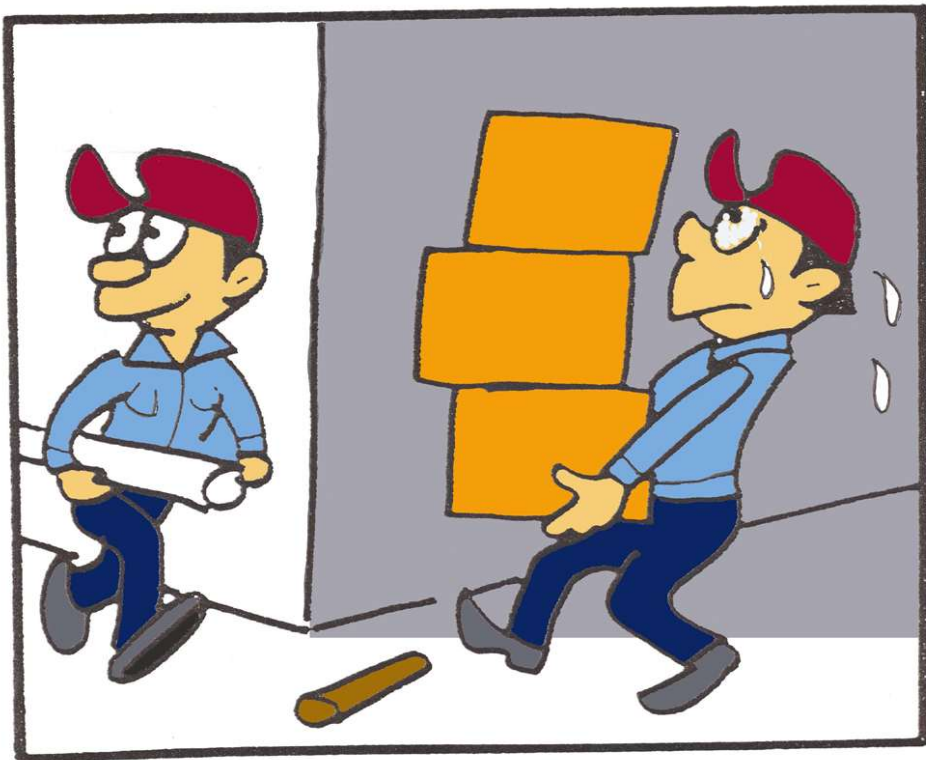


Bạn đoán sự cố sẽ xảy ra như thế nào?



Nhưng liệu còn gì nữa?

Vâng! Điều này có thể sẽ xảy ra

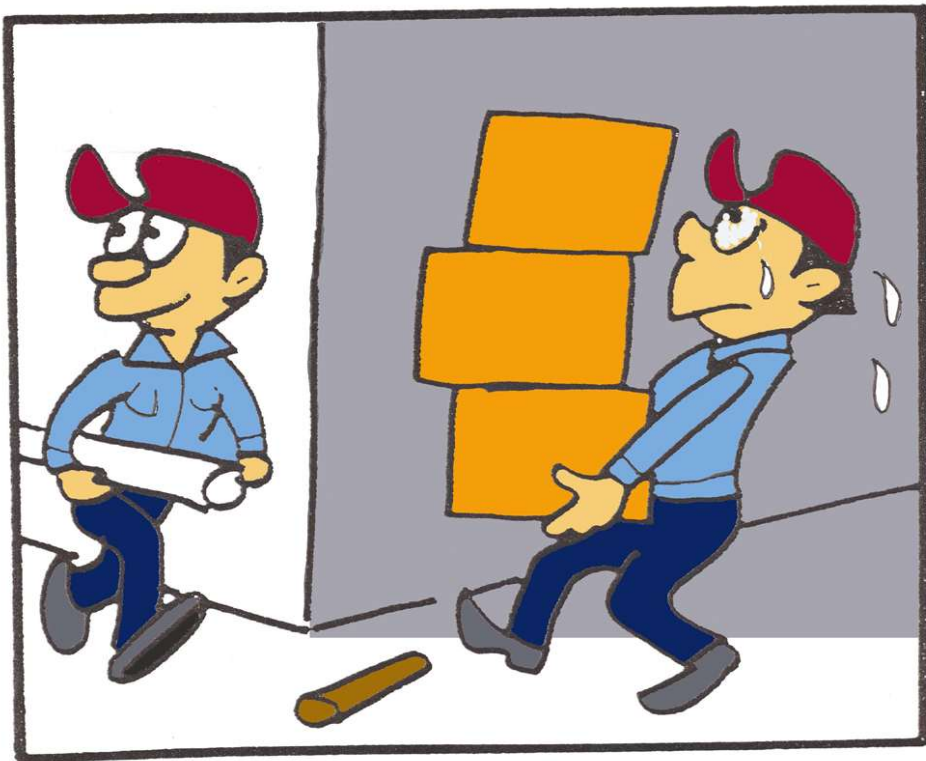


Bạn đoán sự cố sẽ xảy ra như thế nào?



Nhưng, liệu còn gì tiếp theo?

Vâng! Điều này có thể sẽ xảy ra



Bạn đoán sự cố sẽ xảy ra như thế nào?



Nhưng, liệu còn gì tiếp theo?

Vâng! Điều này có thể sẽ xảy ra

Mục đích của khóa học An toàn vệ sinh lao động



- ✓ Hiểu được các khái niệm, nội dung, ý nghĩa của công tác ATVSLĐ
- ✓ Nắm được các chính sách, chế độ về an toàn vệ sinh lao động
- ✓ Nắm được các quyền lợi, nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, quyền lợi cũng như nghĩa vụ của người học
- ✓ Phân biệt được các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cách đánh giá cũng như biện pháp phòng ngừa
- ✓ Một số lý thuyết về cách sử dụng, bảo quản PTBV CN
- ✓ Kỹ năng sơ cấp cứu tai nạn lao động



Nâng cao nhận thức và tuân thủ ATVSLĐ vì một mục tiêu
“An toàn môi trường là nguyên tắc số 1 trong kinh doanh”

Phân nhóm đối tượng lao động theo luật



Dựa theo nghị định 44/2016/NĐ-CP huấn dẫn luật an toàn vệ sinh lao động

- ✓ Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động
 - a) Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương;
 - b) Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- ✓ Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm
- ✓ Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là người làm công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.
- ✓ Nhóm 5: Người làm công tác y tế
- ✓ Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên
- ✓ **Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động**

NỘI DUNG

- 01 TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG
- 02 CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ ATVSLĐ
- 03 KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ ATVSLĐ
- 04 VĂN HÓA AN TOÀN
- 05 NỘI QUY, BIỂN BÁO, PTBV CN



01

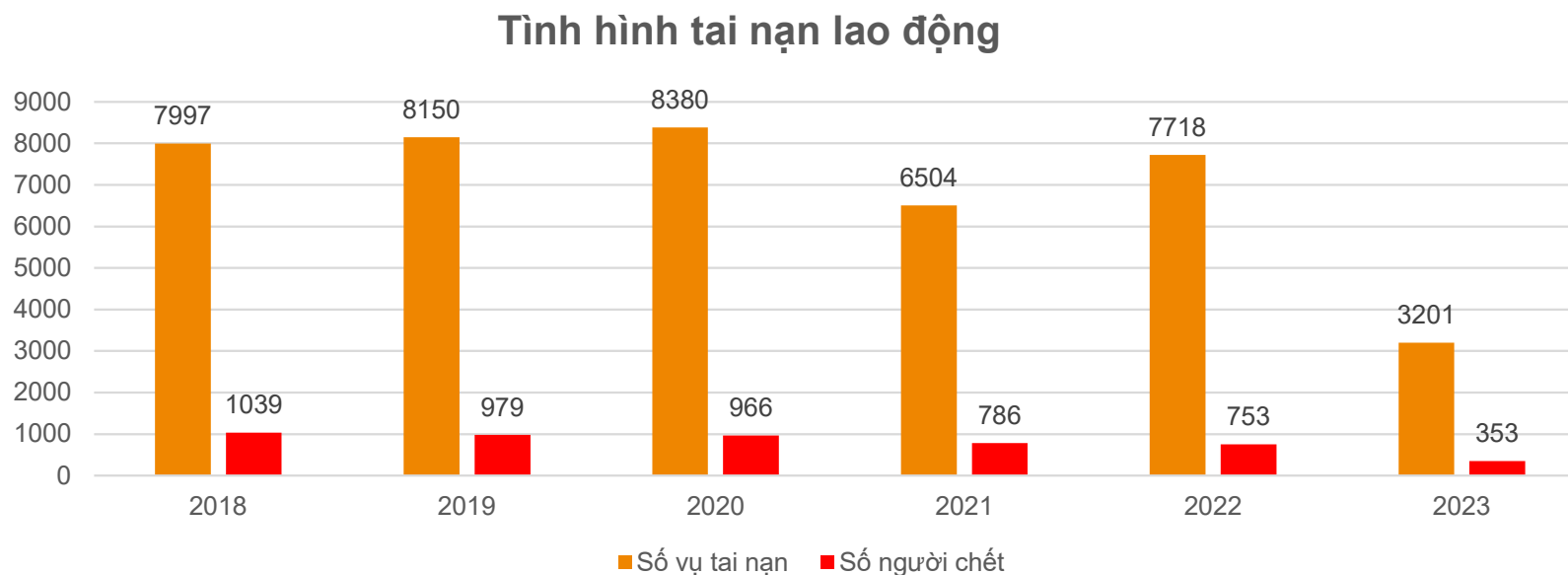
TÌNH HÌNH
TẠI NẠN LAO ĐỘNG

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG



TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Khu vực có quan hệ lao động

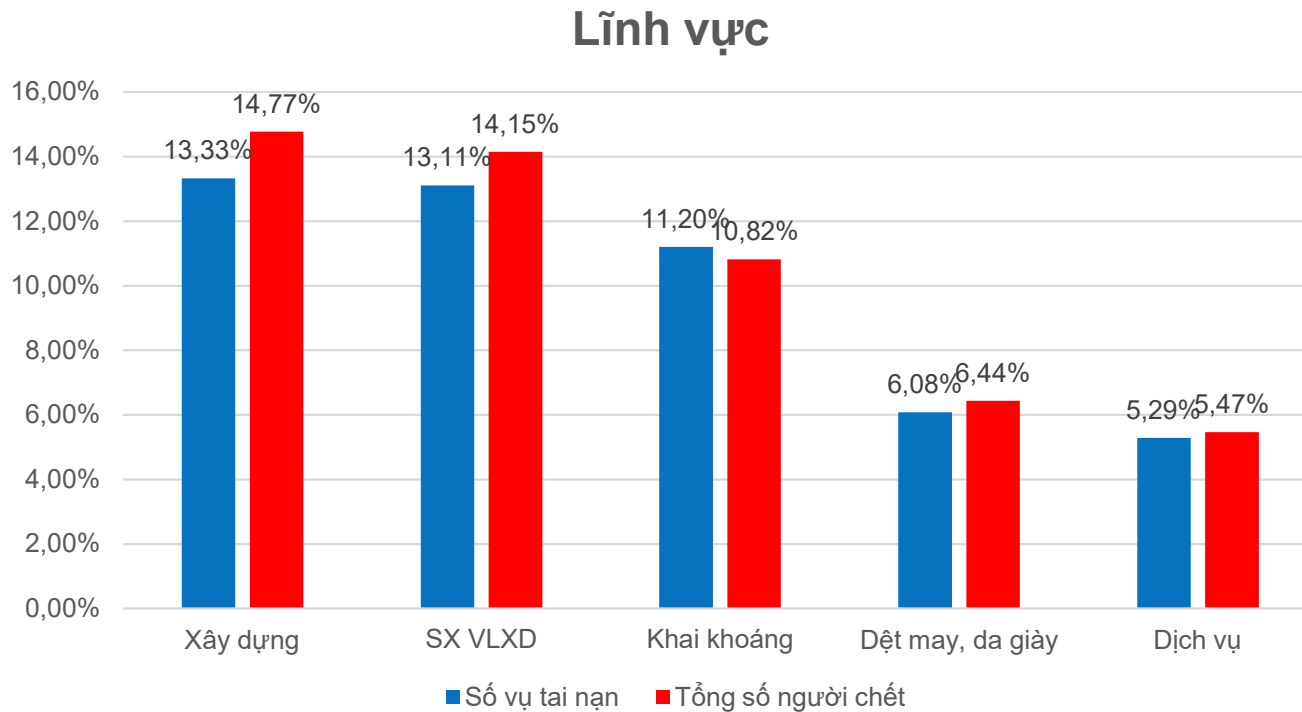


Những địa phương có nhiều người chết vì TNLĐ trong khu vực có quan hệ lao động như: [Thành phố Hồ Chí Minh](#), [Hà Nội](#), [Bình Dương](#).

Nguồn: Tổng hợp Báo cáo của Bộ LĐTBXH

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Khu vực có quan hệ lao động



Nguồn: Tổng hợp Báo cáo của Bộ LĐTBXH

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Khu vực có quan hệ lao động

- Những địa phương có nhiều người chết vì TNLĐ trong khu vực có quan hệ lao động như: [Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương](#).
- Tình hình TNLĐ 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm năm 2022: Trong 6 tháng đầu năm năm 2023, trong khu vực có quan hệ lao động số vụ TNLĐ giảm, tổng số nạn nhân giảm, số vụ có người chết giảm, số người chết giảm, số người bị thương nặng
- Đa số các vụ TNLĐ đã được khai báo và điều tra đúng quy định. Tuy nhiên một số địa phương còn chậm gửi biên bản điều tra về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; số biên bản nhận được chỉ chiếm 24,8 % tổng số vụ TNLĐ chết người
- Tỷ lệ báo cáo của các doanh nghiệp về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội còn thấp. Trong 6 tháng đầu năm 2023, có **khoảng 6,55% doanh nghiệp báo cáo về tình hình TNLĐ**. Số doanh nghiệp chấp hành báo cáo tình hình TNLĐ chưa đầy đủ. Do vậy, việc tổng hợp, đánh giá tình hình TNLĐ trên toàn quốc còn gặp nhiều khó khăn.
- Theo số liệu báo cáo sơ bộ của các địa phương, thiệt hại về vật chất do TNLĐ xảy ra 6 tháng đầu năm 2023 như sau: chi phí tiền thuốc, mai táng, tiền bồi thường cho gia đình người chết và những người bị thương,... là trên **5.625 tỷ đồng** (tăng khoảng 3.176 tỷ đồng so với 6 tháng đầu năm 2022); thiệt hại về tài sản trên **701 tỷ đồng** (tăng khoảng 685 tỷ đồng so với 6 tháng đầu năm 2022); tổng số ngày nghỉ của người lao động do tai nạn lao động là trên **76.636 ngày** (tăng khoảng 28.057 ngày so với 6 tháng đầu năm 2022).

Nguồn: Tổng hợp Báo cáo của Bộ LĐTBXH

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Khu vực có không có quan hệ lao động

TT	Chỉ tiêu thống kê	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	Tăng (+) /giảm(-)
1	Số vụ	390	270	-120(-30,77%)
2	Số nạn nhân	417	273	-144 (-34,53%)
3	Số vụ có người chết	74	72	-02 (-2,70%)
4	Số người chết	81	72	-09(-11,11%)
5	Số người bị thương nặng	118	69	-49(-41,53%)

Các địa phương có số người chết vì tai nạn lao động nhiều nhất trong 6 tháng đầu năm 2023 như: [Hà Nội, Gia Lai, Bạc Liêu](#).

Nguồn: Tổng hợp Báo cáo của Bộ LĐTBXH

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Khu vực không có quan hệ lao động

- Các địa phương có số người chết vì tai nạn lao động nhiều nhất trong 6 tháng đầu năm 2023 như: [Hà Nội, Gia Lai, Bạc Liêu](#).
- Trong 6 tháng đầu năm 2023, công tác điều tra TNLĐ đối với khu vực không có hợp đồng lao động chưa được triển khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc lập biên bản ghi nhận TNLĐ đối với người làm việc không theo hợp đồng lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai còn rất hạn chế.
- Đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo thống kê TNLĐ đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; trong đó có 33 địa phương báo cáo có xảy ra TNLĐ, 30 địa phương báo cáo không xảy ra TNLĐ (chi tiết tại Phụ lục IV).

Nguồn: Tổng hợp Báo cáo của Bộ LĐTBXH

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

88%: HÀNH VI KHÔNG AN TOÀN

10%: TRẠNG THÁI, MÔI TRƯỜNG
LÀM VIỆC KHÔNG AN TOÀN

CON NGƯỜI

TAI NẠN, KHÔNG TAI NẠN

VĂN HÓA ĐỒ LỖI

SỐ

DEL, ĐỎ

THỊT CHÓ,
TC

GIÀY

HÀNH VI KHÔNG AN TOÀN	MÔI TRƯỜNG/ĐKLV KHÔNG AN TOÀN
1. Không có đủ kiến thức, hiểu biết về công việc, hoặc hiểu sai (làm sai phương pháp, bỏ qua các bước thao tác...)	1. Máy có phần nguy hiểm (phần di chuyển) nhưng không có cover hay thiết bị bảo vệ
2. Thái độ sai (tai nạn là do số, không tránh được...)	2. Layout nhà máy, dây chuyền sai hoặc không hợp lý
3. Không tập trung vào công việc	3. 5S không tốt
4. Vô ý thức, chơi đùa trong khi làm việc	4. Sàn thao tác gồ ghề, không đồng mức
5. Làm việc khi điều kiện sức khỏe không tốt (say, ốm, ...)	5. Môi trường làm việc không an toàn, không tốt cho sức khỏe (thiếu ánh sáng, ồn cao, bụi, khí độc...)
6. Làm việc khi trí óc chưa sẵn sàng (lo lắng, cáu giận, buồn....)	6. Máy, thiết bị, công cụ hư hỏng, không bảo dưỡng hợp lý, không tuân theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn an toàn
7. Không tuân thủ quy định an toàn	
8. Mang PPEs không phù hợp với công việc	
9. Tháo bỏ thiết bị an toàn của máy	
10. Sử dụng công cụ làm việc không hợp lý	

NHỮNG CHI PHÍ CỦA TAI NẠN

Direct Costs

- Medical Costs
- Indemnity Payments

Chi phí trực tiếp

- Chi trả phí y tế
- Bồi thường tai nạn

Indirect Costs / Chi phí gián tiếp

- Lost time / Thời Gian thất thoát
 - ✓ Injured workers / Công nhân bị thương
 - ✓ Fellow workers / Công nhân bị liên đới
 - ✓ Supervisor / Giám sát
 - ✓ Investigation / Điều tra tai nạn
 - ✓ Clean-up site / Thu dọn hiện trường
- Extra cost / Chi phí cộng thêm
 - ✓ Extra wages / Lương trả thêm
 - ✓ Overtime payments / Lương tăng ca
 - ✓ Training new employees / Đào tạo công nhân mới
 - ✓ Fines / Phí phạt
 - ✓ Legal fee / Chi phí pháp lý
 - ✓ Increase in Insurance Costs / Tăng phí bảo hiểm
- Extra loss / Thất thoát cộng thêm
 - ✓ Damage products, building, tools, equipment / sản phẩm hư lỗi, công trình xây dựng, dụng cụ thiết bị
 - ✓ Production Delay / Chậm trễ tiến độ sản xuất
 - ✓ Unhappy customers/ Khách hàng không hài lòng
 - ✓ Loss contracts / Mất cơ hội hợp đồng
 - ✓ BUSINESS REPUTATION / GIẢM UY TÍN



**Đơn vị chúng ta phải trả những
chi phí gì cho tai nạn lao động?**

Tình hình tai nạn lao động

Nhiệm vụ đầu tiên của doanh nghiệp là phải tồn tại, nguyên tắc cơ bản của vấn đề kinh tế trong doanh nghiệp không phải là tối đa hóa lợi nhuận mà là -
“TRÁNH TỔN THẤT”



Peter.F.Drucker

PHÒNG NGỪA LÀ CHÍNH SÁCH TỐT NHẤT

1

**HÀNH VI
KHÔNG AN
TOÀN**

2

**MÔI
TRƯỜNG
LÀM VIỆC
KHÔNG AN
TOÀN**

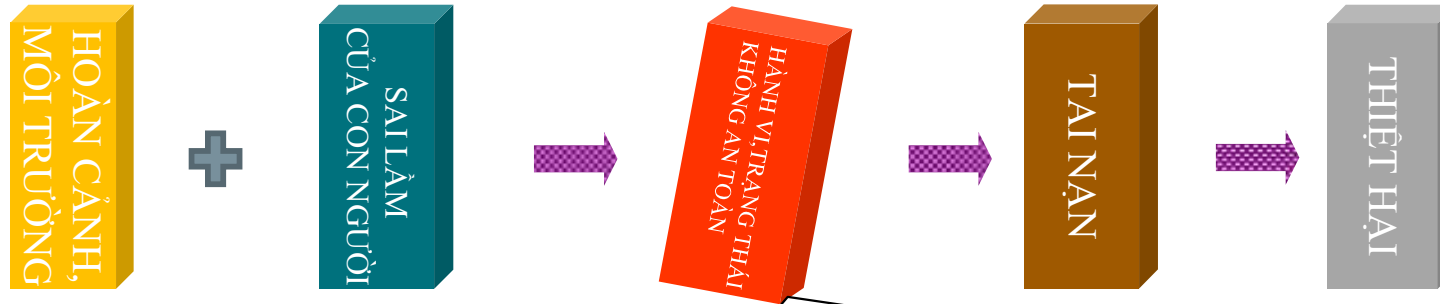
Hai nguyên nhân chính gây ra TNLĐ, BNN



TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC AN TOÀN

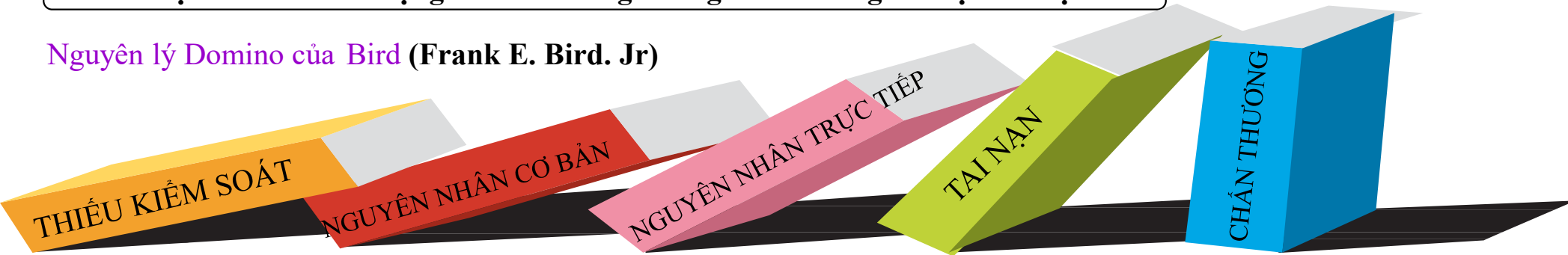
THUYẾT DOMINO

(Injury occurrence process, H. W. Heinrich)



“Giai đoạn thứ 3” hành động và tình huống không an toàn là giai đoạn dễ loại bỏ

Nguyên lý Domino của Bird (Frank E. Bird. Jr)



Điều kiện lao động

ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG

Đối tượng
lao động

Công cụ
và
phương
tiện lao
động

Quá trình
công nghệ

Môi
trường lao
động:
Nhiệt độ,
tiếng ồn
bụi bẩn...

Tình trạng
tâm lý và
SK của
NLĐ trong
khi làm
việc



02

HỆ THỐNG CHÍNH
SÁCH PHÁP LUẬT
VỀ ATVSLĐ

HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ATVSLĐ



Khoản 2, điều 35,
Hiến Pháp CHXHCN VN 2013

Bộ Luật LĐ, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật
điện lực, Luật hóa chất, Luật xây dựng...

Các Nghị định chính phủ:
NĐ 145/2013, NĐ 39/2016, NĐ 44/2016, NĐ
140/2018, NĐ 12/2022, NĐ 58/2020, NĐ 88/2020

Các Thông tư của các Bộ: LĐ-TBXH, Y
tế, Công thương,...

Các TCVN, QCVN về
ATVSLĐ

HP

LUẬT

NGHỊ ĐỊNH

THÔNG TƯ

TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ATVSLĐ

- Bộ máy (Đ72-75)
- Phân định trách nhiệm
- Thanh tra, Kiểm tra (Đ89)
- Điều tra TNLĐ, BNN (Đ35)
- Xử lý vi phạm (NĐ 12/2022)

- Chính sách, chế độ BHLĐ, CSSK

- Thông tin, huấn luyện (Đ14)
- Kiểm định KTAT (Đ28-33)
- Kiểm soát yếu tố NH, CH (Đ18)
- Hệ thống QLATVSLĐ, VHAT
- Thống kê, báo cáo (Đ36-37)

Chăm sóc quản lý SK

Nghề, công việc NN, ĐH, NH

Phương tiện bảo vệ cá nhân

Bồi dưỡng bằng hiện vật

Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi

Lao động đặc thù

Bồi thường, trợ cấp TNLĐ, BNN; Bảo hiểm TNLĐ, BNN

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Khái niệm:

Người lao động: (Điều 2 luật ATVSLĐ 2015)

- Làm việc theo hợp đồng lao động; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động
- Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.
- Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.
- Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- An toàn lao động (Điều 3 luật ATVSLĐ 2015)

Là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

- Vệ sinh lao động: (Điều 3 luật ATVSLĐ 2015)

Là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Mục đích của công tác ATVSLĐ

- Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc, tạo nơi làm việc đảm bảo yêu cầu về ATVSLĐ, loại trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại
- Tránh được tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp (BNN), đảm bảo toàn thân thể của người lao động hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không để xảy ra chết người, thương tật tàn phá do TNLĐ, BNN
- Bồi dưỡng, phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động sau khi sản xuất

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Ý nghĩa công tác ATVSLĐ

A. Ý nghĩa chính trị

- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, nhà nước trong việc bảo vệ người lao động
- Đảm bảo ATVSLĐ giúp người lao động yên tâm làm việc, góp phần vào công cuộc CNH-HĐH, xây dựng đất nước thịnh vượng

B. Ý nghĩa kinh tế

- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ là nội dung quan trọng để doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, tăng doanh thu
- Về phía người lao động, khi làm việc trong môi trường đảm bảo ATVSLĐ thì sức khỏe được đảm bảo, ngày nghỉ việc do TNDL hoặc bệnh nghề nghiệp hạn chế -> tăng năng suất lao động, thu nhập ổn định

C. Ý nghĩa xã hội

- Góp phần giúp NLĐ có sức khỏe để sản xuất, ổn định thu nhập-> cuộc sống gia đình đảm bảo
- Góp phần xây dựng xã hội văn minh, lành mạnh
- Góp phần tạo thu nhập, đóng góp vào các quỹ phúc lợi BHXH-> đầu tư xây dựng phúc lợi phục vụ nhân dân

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Khám sức khỏe (điều 21, luật ATVSLĐ)

- Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động;
- Người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.
- Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.
- Chi phí cho hoạt động khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động do người sử dụng lao động chi trả



Danh m?c công
?c n?ng nh?c d?c h

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ



Phương tiện bảo vệ cá nhân (điều 23, luật ATVSLĐ)

- Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc
- Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.
- Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:
 - + Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
 - + Không phát tiền thay cho việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân; không buộc người lao động tự mua hoặc thu tiền của người lao động để mua phương tiện bảo vệ cá nhân;
 - + Hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân
 - + Tổ chức thực hiện biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đã qua sử dụng ở những nơi dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ.
- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.



TT25.2020.
PTBVCN

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Bồi dưỡng bằng hiện vật (điều 24, luật ATVSLĐ)

1. Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật.
2. Việc bồi dưỡng bằng hiện vật theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể;
 - b) Bảo đảm thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm;
 - c) Thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ.
3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Quản lý sức khỏe người lao động (điều 27, luật ATVSLĐ)

1. Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại nghề, công việc và kết quả khám sức khỏe để sắp xếp công việc phù hợp cho người lao động.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động, hồ sơ sức khỏe của người bị bệnh nghề nghiệp; thông báo kết quả khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp để người lao động biết; hằng năm, báo cáo về việc quản lý sức khỏe người lao động thuộc trách nhiệm quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước về y tế có thẩm quyền.



TT 19.2016 QLSK



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

Tai nạn lao động: là tai nạn gây **tổn thương** cho **bất kỳ bộ phận**, **chức năng** nào của cơ thể hoặc **gây tử vong** cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.



Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do **điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp** tác động đối với người lao động.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLD đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

1. Kịp thời sơ cấp cứu,

2. Thanh toán chi phí y tế

3. Trả đủ tiền lương trong thời gian điều trị

4. Bồi thường cho NLĐ mà không hoàn toàn do lỗi của NLĐ

5. Trợ cấp cho NLĐ

6. Giới thiệu giám định y khoa

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

7. Thực hiện bồi thường, trợ cấp, trong thời hạn 5 ngày từ ngày kết luận giám định hoặc Đoàn điều tra công bố biên bản điều tra tai nạn

8. Sắp xếp công việc phù hợp nếu còn tiếp tục làm việc

9. Lập hồ sơ hưởng chế độ từ quỹ bảo hiểm

10. Tiền lương làm cơ sở theo quy định của pháp luật

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

Bồi thường	Trợ cấp
a) Ít nhất bằng 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. b) Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% thì cứ tăng 1% sẽ được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương	a) Ít nhất 12 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động; b) Ít nhất bằng 0,6 tháng tiền lương đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% thì tính theo công thức dưới đây hoặc tra theo bảng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này:



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

Ví dụ 1:

- Ông A bị bệnh nghề nghiệp, giám định sức khỏe lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 15%. Mức bồi thường lần thứ nhất cho ông A tính như sau:

$Tbt = 1,5 + \{(15 - 10) \times 0,4\} = 3,5$ (tháng tiền lương).

- Định kỳ, ông A giám định sức khỏe lần thứ hai thì mức suy giảm khả năng lao động được xác định là 35% (mức suy giảm khả năng lao động đã tăng hơn so với lần thứ nhất là 20%). Mức bồi thường lần thứ hai cho ông A là:

$Tbt = 20 \times 0,4 = 8,0$ (tháng tiền lương).

Ví dụ 2:

- Ông B bị tai nạn lao động lần thứ nhất do ông B đã vi phạm quy định về an toàn lao động, không do lỗi của ai khác. Giám định sức khỏe xác định mức suy giảm khả năng lao động của ông B là 15% do vụ tai nạn này. Mức trợ cấp lần thứ nhất cho ông B là: $Ttc = Tbt \times 0,4 = 3,5 \times 0,4 = 1,4$ (tháng tiền lương).

- Lần tiếp theo ông B bị tai nạn khi đi từ nơi làm việc về nơi ở (được điều tra và xác định là thuộc trường hợp được trợ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này). Giám định sức khỏe xác định mức suy giảm khả năng lao động do lần tai nạn này là 20%. Mức trợ cấp lần thứ hai cho ông B là:

$Ttc = Tbt \times 0,4 = 5,5 \times 0,4 = 2,2$ (tháng tiền lương).



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLD đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

Các trường hợp đặc thù

- Trường hợp người lao động bị tai nạn lao động khi thực hiện nhiệm vụ hoặc tuân theo sự điều hành của người sử dụng lao động ở ngoài phạm vi cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn, thì người sử dụng lao động vẫn phải bồi thường cho người lao động
- Trường hợp người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn thì người sử dụng lao động trợ cấp cho người lao động
- Trường hợp người sử dụng lao động đã mua bảo hiểm tai nạn cho người bị tai nạn lao động tại các đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, thì người bị tai nạn lao động được hưởng các khoản chi trả bồi thường, trợ cấp theo hợp đồng đã ký với đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm
- Nếu người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, thì ngoài việc phải bồi thường, trợ cấp theo quy định

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm của NSDLD đối với NLĐ bị tai nạn, BNN (điều 38,39,40, luật ATVSLĐ)

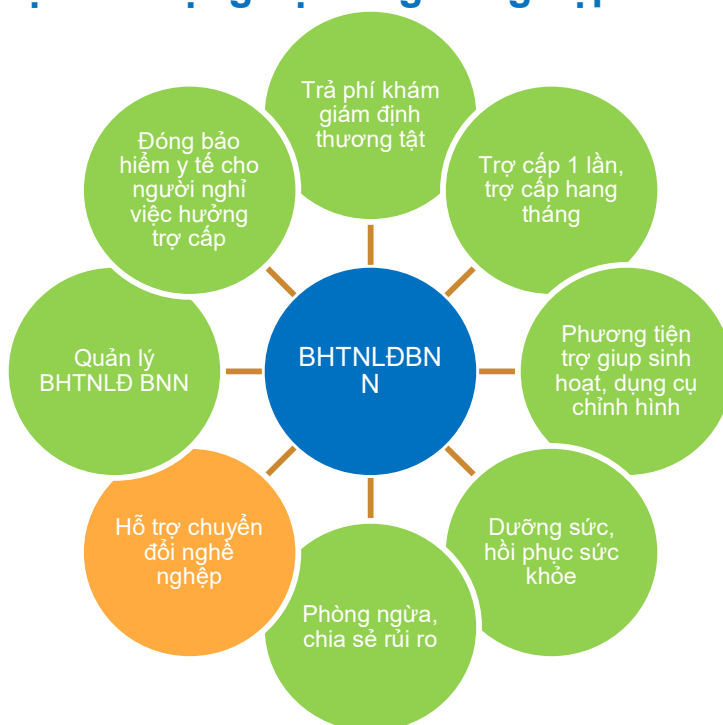
Các trường không được hưởng bồi thường, hoặc trợ cấp từ NSDLD

- a) Do mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động; Trường hợp người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn thì người sử dụng lao động trợ cấp cho người lao động
- b) Do người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân;
- c) Do sử dụng ma túy, chất gây nghiện khác trái với quy định của pháp luật.;

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Điều 41-55 luật ATVSLĐ)

Bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp sẽ chi trả:



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Điều 41-55 luật ATVSLĐ)

Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động

Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc, kể cả khi đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết tại nơi làm việc hoặc trong giờ làm việc mà Bộ luật lao động và nội quy của cơ sở sản xuất, kinh doanh cho phép, bao gồm nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, làm vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh;

Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản trực tiếp quản lý lao động;

Trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý;

Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Điều 41-55 luật ATVSLĐ)

Ví dụ:

1. Nhân viên bị kẹp tay vào máy CNC trong khi làm việc
2. Nhân viên bị hóc xương khi đi ăn cơm trong giờ nghỉ trưa
3. Nhân viên đi vệ sinh bị ngã đập đầu vào bồn cầu
4. Nhân viên mâu thuẫn đánh nhau, đẩy nhau đập đầu vào tường tại khu vực làm việc
5. Nhân viên tan làm đi đá bóng bị gãy chân
6. Nhân viên đi làm trên đường về nhà bị tai nạn giao thông



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trách nhiệm Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Điều 41-55 luật ATVSLĐ)

Điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp:

- Thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
- Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bệnh nghề nghiệp
- Người đã nghỉ hưu hoặc không còn làm trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp mà phát hiện bị bệnh nghề nghiệp do yếu tố tác hại của nghề cũ gây nên



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Danh mục bệnh nghề nghiệp:

- | | |
|---|--|
| 1. Bụi phổi nghề nghiệp | 18. Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn |
| 2. Bệnh bụi phổi amiăng nghề nghiệp | 19. Bệnh giảm áp nghề nghiệp |
| 3. Bệnh bụi phổi bông nghề nghiệp | 20. Bệnh nghề nghiệp do rung toàn thân |
| 4. Bệnh bụi phổi talc nghề nghiệp | 21. Bệnh nghề nghiệp do rung cục bộ |
| 5. Bệnh bụi phổi than nghề nghiệp | 22. Bệnh phóng xạ nghề nghiệp |
| 6. Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp | 23. Bệnh đục thể thủy tinh nghề nghiệp |
| 7. Bệnh hen nghề nghiệp | 24. Bệnh nốt dầu nghề nghiệp |
| 8. Bệnh nhiễm độc chì nghề nghiệp | 25. Bệnh sạm da nghề nghiệp |
| 9. Bệnh nhiễm độc nghề nghiệp do benzen và đồng đẳng | 26. Bệnh viêm da tiếp xúc nghề nghiệp do crôm |
| 10. Bệnh nhiễm độc thủy ngân nghề nghiệp | 27. Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài |
| 11. Bệnh nhiễm độc mangan nghề nghiệp | 28. Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc với cao su tự nhiên, hóa chất phụ gia cao su |
| 12. Bệnh nhiễm độc trinitrotoluen nghề nghiệp | 29. Bệnh Leptospira nghề nghiệp |
| 13. Bệnh nhiễm độc asen nghề nghiệp | 30. Bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp |
| 14. Bệnh nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật nghề nghiệp | 31. Bệnh lao nghề nghiệp |
| 15. Bệnh nhiễm độc nicotin nghề nghiệp | 32. Nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp |
| 16. Bệnh nhiễm độc cacbon monoxit | 33. Bệnh viêm gan vi rút C nghề nghiệp |
| 17. Bệnh nhiễm độc cadimi nghề nghiệp | 34. Bệnh ung thư trung biểu mô nghề nghiệp |
| | 35. Bệnh COVID-19 nghề nghiệp |



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Giám định mức suy giảm khả năng lao động:

1. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định hoặc giám định lại mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Sau khi bị thương tật, bệnh tật lần đầu đã được điều trị ổn định còn di chứng ảnh hưởng tới sức khỏe;
- b) Sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định;
- c) Đối với trường hợp thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp không có khả năng điều trị ổn định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì người lao động được làm thủ tục giám định trước hoặc ngay trong quy trình điều trị.

2. Người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Vừa bị tai nạn lao động vừa bị bệnh nghề nghiệp;
- b) Bị tai nạn lao động nhiều lần;
- c) Bị nhiều bệnh nghề nghiệp.

3. Người lao động quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được giám định lại tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau 24 tháng, kể từ ngày người lao động được Hội đồng giám định y khoa kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động liên kế trước đó; trường hợp do tính chất của bệnh nghề nghiệp khiến người lao động suy giảm sức khỏe nhanh thì thời gian giám định được thực hiện sớm hơn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trợ cấp bảo hiểm xã hội:

1. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định hoặc giám định lại mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Sau khi bị thương tật, bệnh tật lần đầu đã được điều trị ổn định còn di chứng ảnh hưởng tới sức khỏe;
- b) Sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định;
- c) Đối với trường hợp thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp không có khả năng điều trị ổn định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì người lao động được làm thủ tục giám định trước hoặc ngay trong quy trình điều trị.

2. Người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Vừa bị tai nạn lao động vừa bị bệnh nghề nghiệp;
- b) Bị tai nạn lao động nhiều lần;
- c) Bị nhiều bệnh nghề nghiệp.

3. Người lao động quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được giám định lại tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau 24 tháng, kể từ ngày người lao động được Hội đồng giám định y khoa kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động liên kế trước đó; trường hợp do tính chất của bệnh nghề nghiệp khiến người lao động suy giảm sức khỏe nhanh thì thời gian giám định được thực hiện sớm hơn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trợ cấp bảo hiểm xã hội:

01 Lần

- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30%
- Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng năm lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở;
- Ngoài mức trợ cấp quy định tại điểm a khoản này, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng vào quỹ được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng vào quỹ của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động hoặc được xác định mắc bệnh nghề nghiệp; trường hợp bị tai nạn lao động ngay trong tháng đầu tham gia đóng vào quỹ hoặc có thời gian tham gia gián đoạn sau đó trở lại làm việc thì tiền lương làm căn cứ tính khoản trợ cấp này là tiền lương của chính tháng đó.

Hàng tháng

- Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở;
- Ngoài mức trợ cấp quy định tại điểm a khoản này, hằng tháng còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng vào quỹ được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng vào quỹ của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động hoặc được xác định mắc bệnh nghề nghiệp; trường hợp bị tai nạn lao động ngay trong tháng đầu tham gia đóng vào quỹ hoặc có thời gian tham gia gián đoạn sau đó trở lại làm việc thì tiền lương làm căn cứ tính khoản trợ cấp này là tiền lương của chính tháng đó.

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trợ cấp bảo hiểm xã hội:

Ví dụ 1: Ông A là công chức bị tai nạn lao động ngày 16 tháng 6 năm 2020. Sau khi điều trị ổn định thương tật, ra viện ngày 05 tháng 7 năm 2020.

Ông A được giám định có mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động là 20%. Ông A có 10 năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 5 năm 2020 theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định với hệ số là 3,66. Mức lương cơ sở tại thời điểm tháng 7 năm 2020 là 1.600.000 đồng, thì mức trợ cấp tai nạn lao động một lần đối với ông A được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

$$5 \times 1.600.000 + (20 - 5) \times 0,5 \times 1.600.000 = 20.000.000 \text{ (đồng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$0,5 \times 3,66 \times 1.600.000 + (10 - 1) \times 0,3 \times 3,66 \times 1.600.000 = 18.739.200 \text{ (đồng)}.$$

- Mức trợ cấp một lần của ông A là:

$$20.000.000 + 18.739.200 = 38.739.200 \text{ (đồng)}$$

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trợ cấp bảo hiểm xã hội:

Ví dụ 2: Ông E trên đường đi họp bị tai nạn giao thông vào tháng 8 năm 2020. Sau khi điều trị ổn định thương tật ông E được giám định có mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động là 40%. Ông E có 12 năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 7 năm 2020 là 5.000.000 đồng. Mức lương cơ sở tại tháng hưởng là 1.600.000 đồng/tháng. Ông E thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

$$0,3 \times 1.600.000 + (40 - 31) \times 0,02 \times 1.600.000 = 768.000 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$0,005 \times 5.000.000 + (12 - 1) \times 0,003 \times 5.000.000 = 190.000 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp hằng tháng của ông E là:

$$768.000 \text{ đồng/tháng} + 190.000 \text{ đồng/tháng} = 958.000 \text{ (đồng/tháng)}$$



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình

- Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn căn cứ vào tình trạng thương tật, bệnh tật và theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng bảo đảm yêu cầu, điều kiện chuyên môn, kỹ thuật.

- a) Tay giả;
- b) Máng nhựa tay;
- c) Chân giả;
- d) Máng nhựa chân;
- đ) Một đôi giày hoặc một đôi dép chỉnh hình;
- e) Nẹp đùi, nẹp cẳng chân;
- g) Áo chỉnh hình;
- h) Xe lăn hoặc xe lắc hoặc phương tiện thay thế bằng mức tiền cấp mua xe lăn hoặc xe lắc;
- i) Nạng;
- k) Máy trợ thính;
- l) Lắp mắt giả;
- m) Làm răng giả theo số răng bị mất; lắp hàm giả do hỏng hàm;
- n) Mua các đồ dùng phục vụ sinh hoạt đối với trường hợp bị liệt nửa người hoặc liệt hoàn toàn hoặc bị tâm thần thể kích động. Trường hợp vừa bị thể tâm thần kích động đồng thời bị liệt nửa người hoặc liệt hoàn toàn chỉ được cấp một lần tiền để mua các đồ dùng sinh hoạt;
- o) Trường hợp cấp xe lăn hoặc xe lắc đồng thời cấp chân giả thì thời hạn sử dụng (niên hạn cấp) của mỗi phương tiện là 06 năm.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Trợ cấp phục vụ:

Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần thì ngoài mức hưởng quy định tại **Điều 49 của Luật này**, hằng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương cơ sở..

Trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

Thân nhân người lao động được hưởng trợ cấp một lần bằng ba mươi sáu lần mức lương cơ sở tại tháng người lao động bị chết và được hưởng chế độ tử tuất theo quy định của [Luật bảo hiểm xã hội](#) khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Người lao động đang làm việc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
2. Người lao động bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
3. Người lao động bị chết trong thời gian điều trị thương tật, bệnh tật mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động.

Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất trong trường hợp người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Luật bảo hiểm xã hội.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau điều trị thương tật, bệnh tật:

1. Người lao động sau khi điều trị ổn định thương tật do tai nạn lao động hoặc bệnh tật do bệnh nghề nghiệp, trong thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày cho một lần bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Trường hợp chưa nhận được kết luận giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc thì người lao động vẫn được giải quyết chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho người lao động sau khi điều trị thương tật, bệnh tật theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu Hội đồng giám định y khoa kết luận mức suy giảm khả năng lao động đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe quy định tại khoản 1 Điều này do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở quyết định, trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa thành lập công đoàn cơ sở thì do người sử dụng lao động quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được quy định như sau:

a) Tối đa 10 ngày đối với trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có mức suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên;

b) Tối đa 07 ngày đối với trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 50%;

c) Tối đa 05 ngày đối với trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có mức suy giảm khả năng lao động từ 15% đến 30%.

3. Người lao động quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng 01 ngày bằng 30% mức lương cơ sở.



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ATVSLĐ

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

Điều 12. Điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc

Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật An toàn, vệ sinh lao động khi người lao động có đủ các điều kiện sau đây:

1. Suy giảm khả năng lao động do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 31% trở lên;
2. Được người sử dụng lao động sắp xếp công việc mới thuộc quyền quản lý phù hợp với sức khỏe, nguyện vọng của người lao động nhưng công việc đó cần phải đào tạo nghề để chuyển đổi;
3. Đang tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

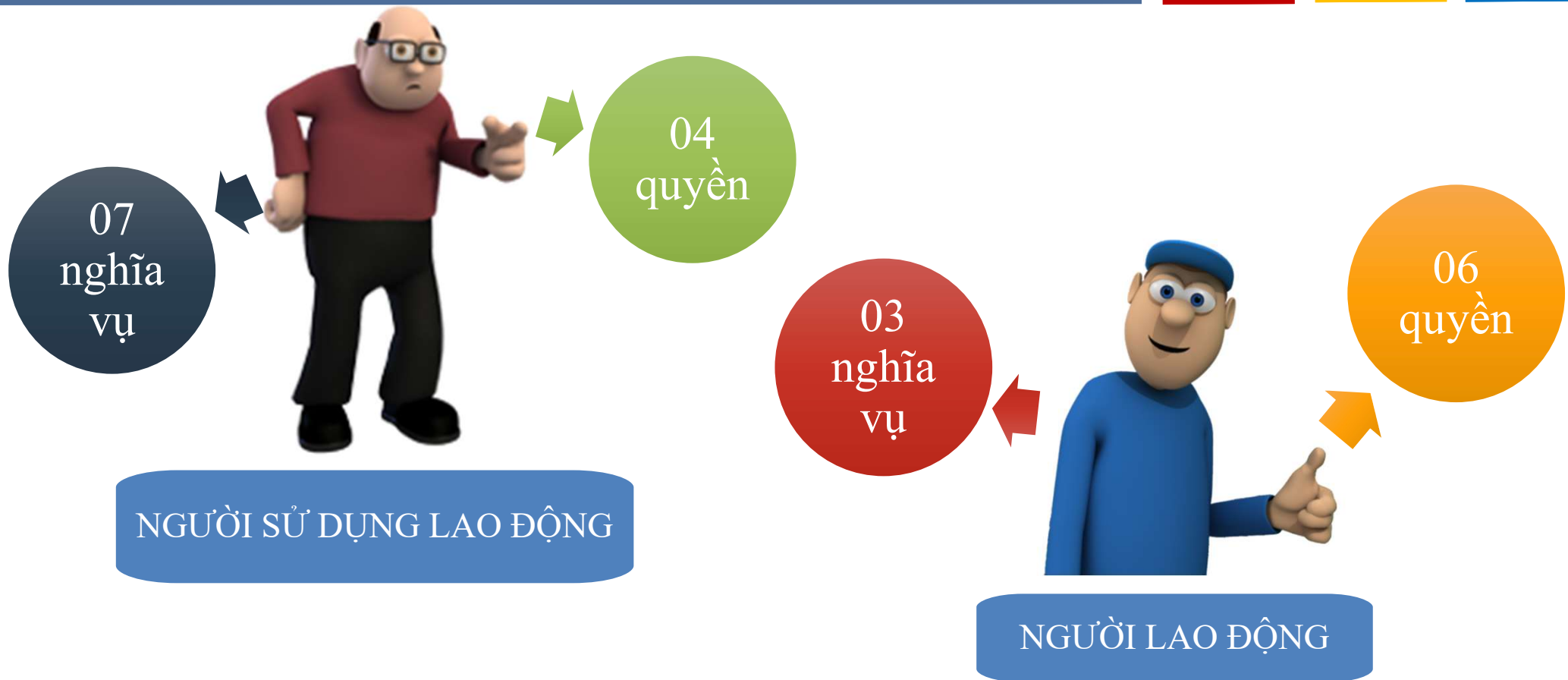
Điều 13. Mức và thẩm quyền quyết định hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp

1. Học phí quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật An toàn, vệ sinh lao động được tính trên cơ sở giá dịch vụ đào tạo nghề theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định hỗ trợ cho từng đối tượng như sau:
 - a) Mức hỗ trợ tối đa là 50% mức học phí, nhưng không quá 15 lần mức lương cơ sở;
 - b) Số lần hỗ trợ tối đa đối với mỗi người lao động là hai lần và trong 01 năm chỉ được nhận hỗ trợ một lần.

The image is a composite of two photographs. The top photograph shows the back of a worker wearing a high-visibility orange and yellow safety vest over a dark long-sleeved shirt. The worker is standing on a construction site with a cloudy sky in the background. The bottom photograph is a close-up of the worker's waist and legs, showing a green safety harness with a silver metal buckle and a yellow tool pouch attached to the side. The worker is wearing dark work pants. The background of the bottom photo shows the structural steel beams of a building under construction.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ



QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

QUYỀN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

04

Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

03



01

Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

02

Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức ... Đóng BHTNLĐ, BNN

01

Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, NQ, QT, BP bảo đảm ATVSLĐ ... CSSK, Khám phát hiện BNN, thực hiện đầy đủ chế độ...

Không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra TNLĐ ...

02

03

04

Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện NQ, QT, BP bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật.

Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác ATVSLĐ; phối hợp với Ban chấp hành CĐCS ...; Phân định trách nhiệm và giao quyền hạn...

05

Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo TNLĐ, BNN, sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ nghiêm trọng ... Chấp hành quyết định của TTCN

06

Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, NQ, QT, BP bảo đảm ATVSLĐ.

07

**NGHĨA VỤ
CỦA
NGƯỜI SỬ
DỤNG LAO
ĐỘNG**

QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1

Đảm bảo điều kiện làm việc công bằng, ATVSLĐ..; Yêu cầu



2

Được cung cấp đầy đủ thông tin về các YTNH, YTCH và các biện pháp phòng, chống; được đào tạo, huấn luyện



3

Được TH Chế độ bảo hộ, TNLĐ, phí giám định thương tật



4

Yêu cầu NSDLĐ bố trí công việc phù hợp sau điều trị ổn định do bị TNLĐ BNN



5

Từ chối làm các CV hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm KLLĐ khi thấy rõ



6

Khiếu nại tố cáo hay khởi kiện theo quy định



NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



1

Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp ATVSLĐ; tuân thủ các giao kết về ATVSLĐ trong HĐLĐ, TULĐTT

2

Sử dụng và bảo quản các PTBVVN; các thiết bị ATVSLĐ tại nơi LV

3

Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây SCKT gây mất ATVSLĐ, TNLĐ, BNN; chủ động tham gia...



AN TOÀN VỆ SINH VIÊN (Điều 74 Luật ATVSLĐ)

1. Mạng lưới ATVSV

- Mỗi tổ sản xuất phải có ít nhất một ATVSV
- NSDLĐ ra quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới ATVSV sau khi thống nhất ý kiến với BCH CĐ cơ sở

2. An toàn, vệ sinh viên

- Người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động
- Tự nguyện và gương mẫu,... được người lao động trong tổ bầu ra

3. Hoạt động

- Hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của BCH CĐ cơ sở
- Phối hợp về chuyên môn, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

AN TOÀN VỆ SINH VIÊN (Điều 74 Luật ATVSLĐ)

4. An toàn, vệ sinh viên có nghĩa vụ sau đây:

- a) Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, đội trưởng, quản đốc chấp hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động;
- b) Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;
- c) Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ;
- d) Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;
- đ) Báo cáo tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.

AN TOÀN VỆ SINH VIÊN (Điều 74 Luật ATVSLĐ)

5. An toàn, vệ sinh viên có quyền sau đây:

- a) Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà người sử dụng lao động tiến hành để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;
- b) Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên nhưng vẫn được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ và được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

Mức phụ cấp trách nhiệm do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất thỏa thuận và được ghi trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên;

- c) Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động và chịu trách nhiệm về quyết định đó;
- d) Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

AN TOÀN VỆ SINH VIÊN (Điều 74 Luật ATVSLĐ)

- ❖ Cầu nối giữa NLĐ và NSDLĐ trong việc thực hiện các quy định về an toàn trong quá trình sản xuất
- ❖ Theo dõi, giám sát và kiến nghị với NSDLĐ trong việc thực hiện các quy định về an toàn.
- ❖ “Tình nguyện viên” luôn đi đầu trong phong trào quần chúng làm an toàn vệ sinh lao động.

TRÁCH NHIỆM NGƯỜI SDLD

1

Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các YTNH, YTCH...và định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó; bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp.

2

Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo QCKT ATVSLĐ, hoặc đạt các TCKT ATVSLĐ đã được công bố, áp dụng và theo NQ, QT bảo đảm ATVSLĐ.

3

Trang cấp đầy đủ cho người lao động các PTBVVN khi thực hiện công việc có YTNH, YTCH; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động.

4

Hàng năm hoặc khi cần thiết, tổ chức kiểm tra, đánh giá các YTNH, YTCH tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu YTNH, YTCH tại nơi làm việc, cải thiện ĐKLĐ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.



TRÁCH NHIỆM NGƯỜI SDLD



5

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng.

6

Phải có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn bằng tiếng Việt và ngôn ngữ phổ biến của NLĐ về ATVSLĐ đối với máy, thiết bị, vật tư và chất có YCNN về ATVSLĐ tại nơi làm việc, nơi lưu giữ, bảo quản, sử dụng và đặt ở vị trí dễ đọc, dễ hiểu.

7

Tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện cho NLĐ quy định, NQ, QT về ATVSLĐ, biện pháp phòng, chống YTNH, YTCH tại nơi làm việc có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

8

Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc; tổ chức XLSC, UCKC, lực lượng ứng cứu và báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ hoặc khi xảy ra TNLĐ, sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ tại nơi làm việc vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của NSDLĐ.

03

Yếu tố nguy hiểm, yếu
tố có hại và các biện
pháp phòng ngừa

Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

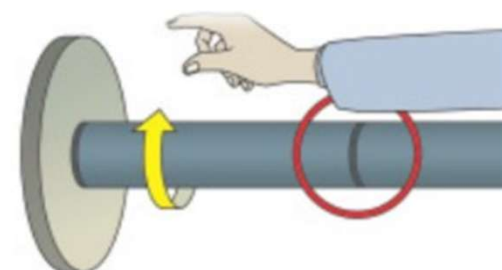
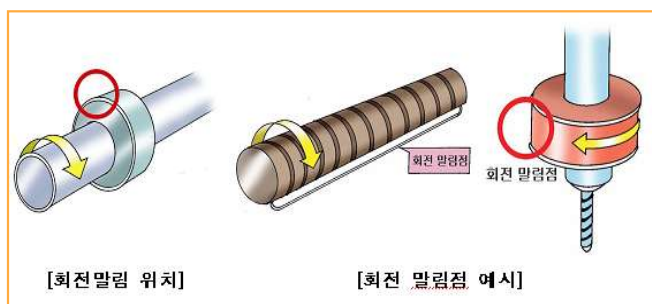
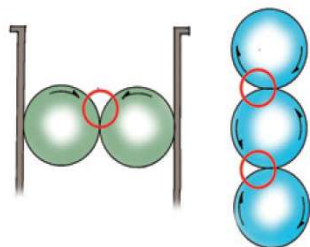
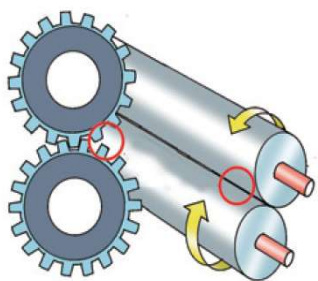
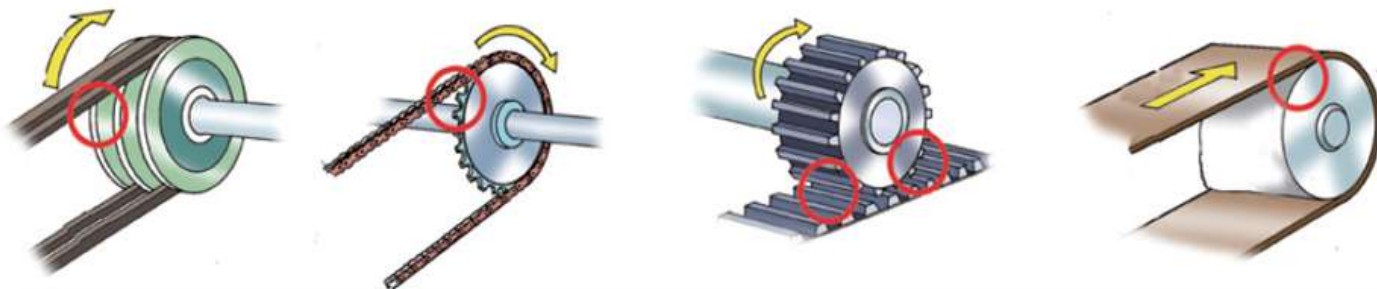


Yếu tố có hại là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

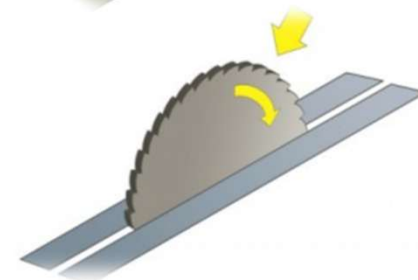


YẾU TỐ NGUY HIỂM

1. TRUYỀN ĐỘNG, CHUYỂN ĐỘNG



Chuyển động



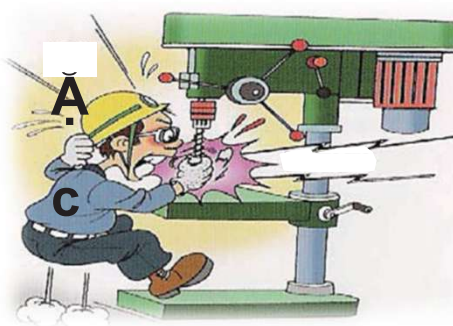
YẾU TỐ NGUY HIỂM

1. TRUYỀN ĐỘNG, CHUYỂN ĐỘNG



YẾU TỐ NGUY HIỂM

1. TRUYỀN ĐỘNG, CHUYỂN ĐỘNG



YẾU TỐ NGUY HIỂM

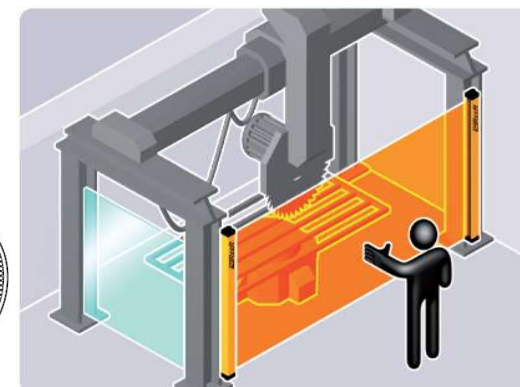
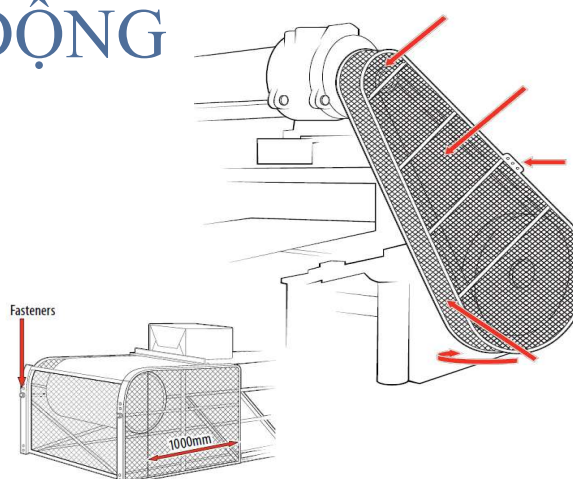
1. TRUYỀN ĐỘNG, CHUYỂN ĐỘNG

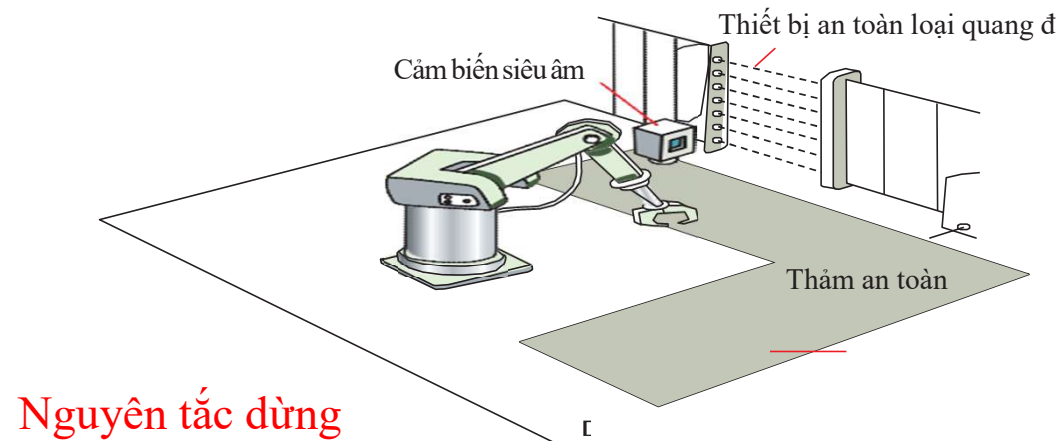
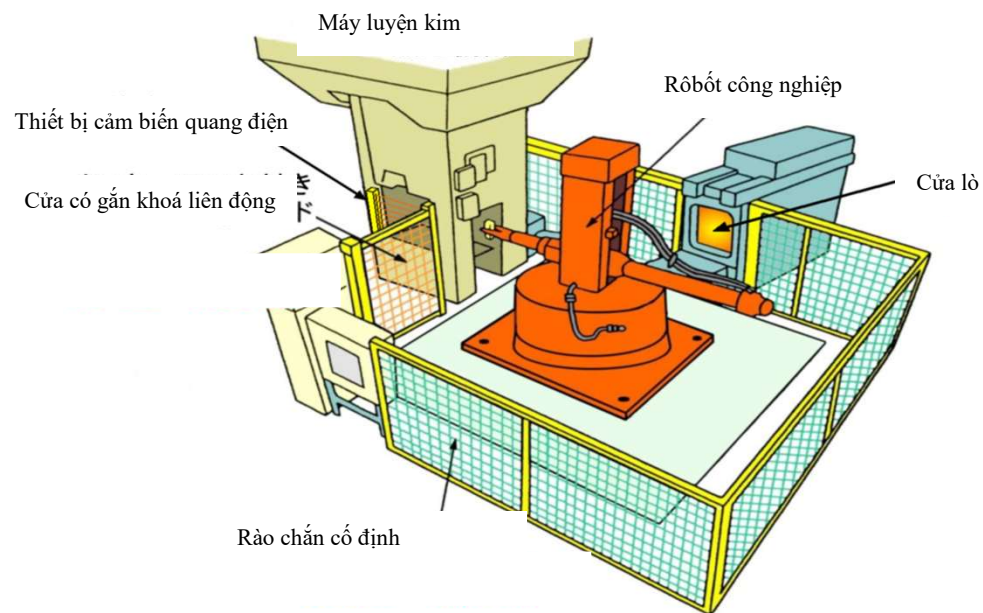
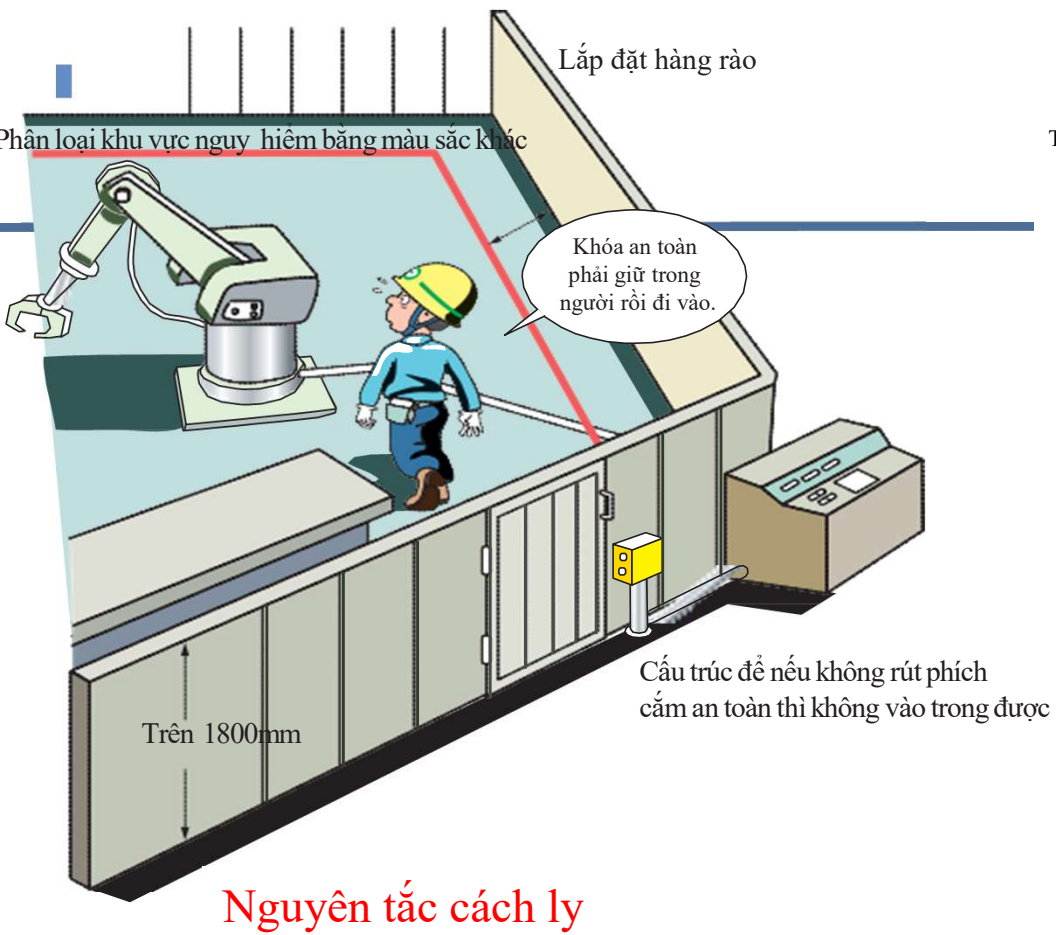


YẾU TỐ NGUY HIỂM

1. TRUYỀN ĐỘNG, CHUYỂN ĐỘNG

- Che chắn các bộ phận truyền động
- Cách ly vùng nguy hiểm
- Thiết lập khoảng cách an toàn
- Điểm tiếp xúc phải được che chắn
- Sử dụng tín hiệu an toàn
- Sử dụng máy, thiết bị, công nghệ an toàn thay cho các máy, thiết bị, công nghệ không an toàn





YẾU TỐ NGUY HIỂM



Nút màu đỏ trên nền vàng
(đầu hình nấm hoặc hình cây cọ)

➡ Đặt ở **tất cả vị trí thao tác** của người vận hành

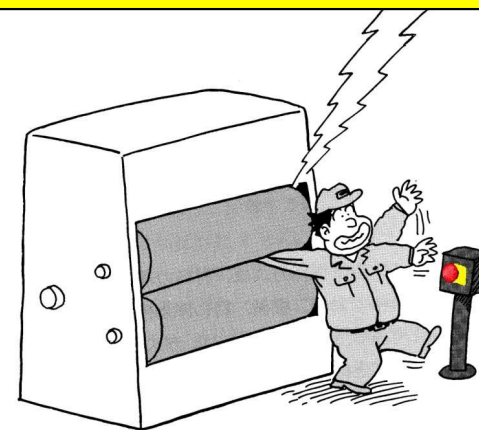
➡ Trang bị ở những **vị trí cần dừng khẩn cấp**



➡ Tránh phương pháp lắp đặt để tránh thao tác nhầm nên làm cho rất khó ấn nút dừng khẩn cấp

Vòng che

1 - 2 - 3 - 4



YẾU TỐ NGUY HIỂM

2. DÒNG ĐIỆN

Các trường hợp bị tai nạn:

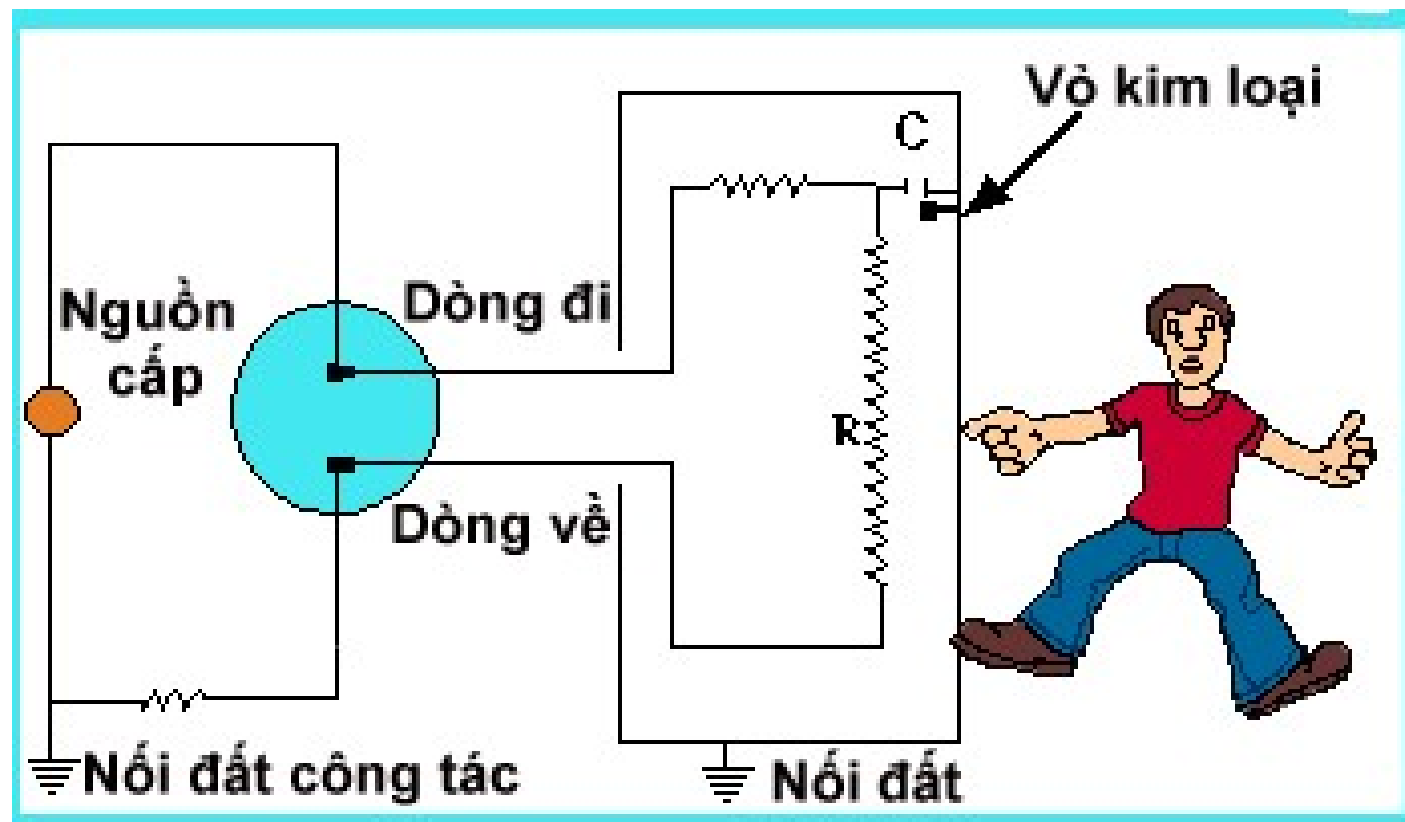
- Vi phạm khoảng cách an toàn lưới điện cao thế;
- Ngắn mạch, chập mạch khi thao tác;
- Thao tác nhầm khi ngắn mạch, chập mạch;
- Chạm phải dây điện trần;
- Chạm phải các mối nối dây điện bị hở, cầu dao, cầu chì hoặc các chi tiết, bộ phận dẫn điện bị hở;
- Đi vào vùng có dòng điện tản trong đất;
- Vi phạm qui trình đóng cắt;
- Thiết bị đóng cắt bị hỏng;
- Cách điện của thiết bị, dụng cụ làm việc bị hỏng;
- Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc PTBVCN bị hỏng;...

Nguy cơ: Tùy theo mức độ điện áp tiếp xúc hoặc dòng điện qua người một bộ phận cơ thể người có thể bị tổn thương bị cháy hoặc bị bỏng (phỏng điện) hoặc người bị nạn bị tê liệt hô hấp, tim ngừng đập (điện giết).

YẾU TỐ NGUY HIỂM

2. DÒNG ĐIỆN

$$I_{ng} = \frac{U_{ph}}{R_{ng}}$$



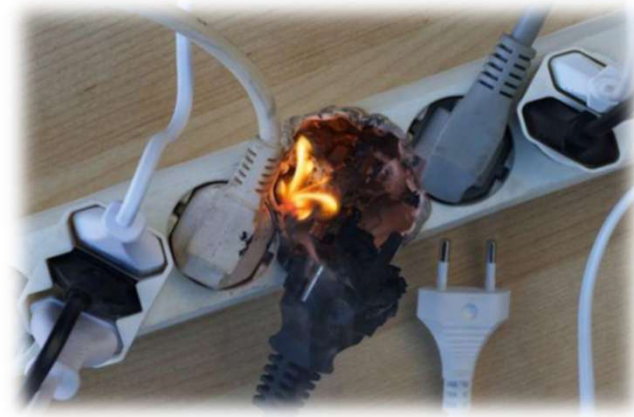
YẾU TỐ NGUY HIỂM

2. DÒNG ĐIỆN



YẾU TỐ NGUY HIỂM

2. DÒNG ĐIỆN



YẾU TỐ NGUY HIỂM

2. DÒNG ĐIỆN

Biện pháp phòng ngừa:

1. Vận hành an toàn: Được đào tạo nghề điện, huấn luyện an toàn điện, PCCN; đủ sức khỏe, Làm việc có sơ đồ, biện pháp an toàn, đúng quy trình kỹ thuật an toàn.
2. Cách điện: thiết bị, dây dẫn điện đảm bảo cách điện, điện cao thế phải đảm bảo khoảng cách an toàn.
3. Bảo vệ nối đất: để giảm điện áp
4. Trang bị đủ các thiết bị PCCC, PTBVVN theo nghề điện; rào chắn; biển báo...

YẾU TỐ NGUY HIỂM

2. DÒNG ĐIỆN



1 - 2 - 3



YẾU TỐ NGUY HIỂM

3. NGUỒN NHIỆT

Gây cháy nổ các công trình

Nguy cơ: Gây bỏng cho người lao động hoặc gây ra đám cháy làm thiệt hại về tài sản nhà xưởng, máy, thiết bị.



YẾU TỐ NGUY HIỂM

3. NGUỒN NHIỆT



YẾU TỐ NGUY HIỂM

3. NGUỒN NHIỆT

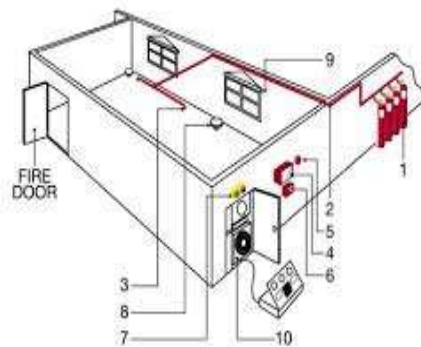
Biện pháp phòng ngừa:

- Sử dụng các công cụ, thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn
- Vận hành có quy trình, biện pháp an toàn
- Công nhân được đào tạo nghề, huấn luyện ATVSLĐ - PCCN
- Trang bị đủ các thiết bị chữa cháy, PTBV CN
- Đủ điều kiện cho việc chữa cháy: Đường ra vào cho xe chữa cháy chuyên dụng; các họng, bể nước...
- Bố trí làm việc luân phiên, thời gian ngắn
- Cung cấp đủ nước uống giải khát
- Thông gió làm mát, điều hòa không khí



YẾU TỐ NGUY HIỂM

3. NGUỒN NHIỆT



YẾU TỐ NGUY HIỂM

4. VẬT VĂNG BẮN

Các trường hợp vật văng bắn:

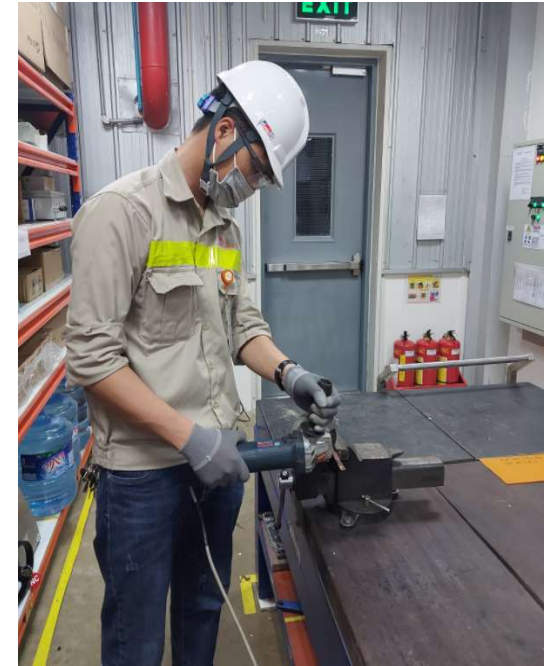
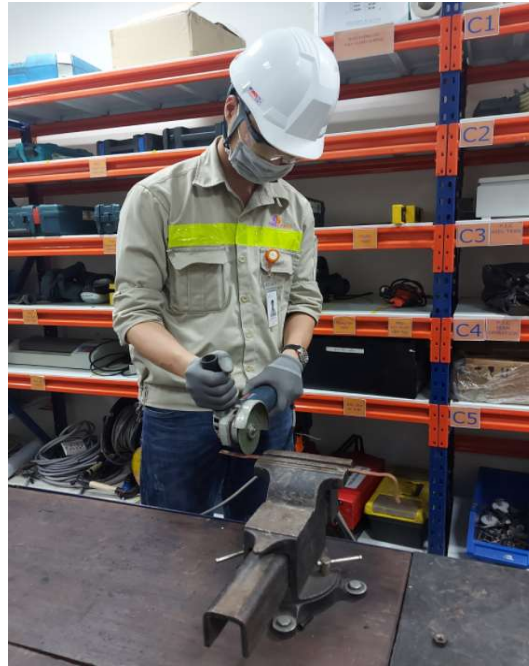
- Vật gia công bị văng bắn;
- Các loại phoi trong gia công cắt, đục văng bắn;
- Mảnh đá mài của máy mài bị vỡ;
- Răng cưa đĩa bị mẻ;
- Bavia của đầu đục, trạm văng bắn;

Nguy cơ: Một bộ phận của người lao động đang làm việc hoặc người khác đang hoạt động trong vùng nguy hiểm có thể bị chấn thương.



YẾU TỐ NGUY HIỂM

4. VẬT VĂNG BẮN



BẠN ĐÃ AN TOÀN CHƯA?

YẾU TỐ NGUY HIỂM

4. VẬT VĂNG BẮN

Những nguy cơ gây mất an toàn:

- Các bộ phận và cơ cấu sản xuất: Cơ cấu chuyển động, trục, khớp nối truyền động, đồ gá, các bộ phận chuyển động tịnh tiến.
- Văng bắn: Các mảnh dụng cụ, vật liệu gia công văng bắn ra như dụng cụ cắt, đá mài, phôi, chi tiết gia công, bavia khi làm sạch chi tiết...
- Điện giật: do hở dây dẫn điện, chạm điện ra vỏ máy, từ các dây dẫn, cầu dao điện, ổ cắm điện...
- Bỏng: Kim loại nóng, vật liệu được làm nóng do ma sát.
- Nhiễm độc: Chất độc công nghiệp xâm nhập vào cơ thể con người qua quá trình thao tác, tiếp xúc...
- Bụi công nghiệp: Gây các tổn thương cơ học, bụi độc hay nhiễm độc sinh ra các BNN, gây cháy nổ, hoặc ẩm điện gây ngắn mạch...
- Nguy hiểm nổ: Nổ hóa học và nổ vật lý.
- Va quệt: Các đầu vít trên bàn phay, những mấu lồi gây vướng làm chấn thương.



YẾU TỐ NGUY HIỂM

4. VẬT VĂNG BẮN



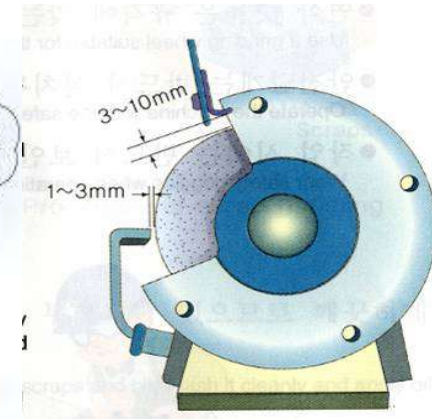
Đặc điểm chung của máy mài:

- Tốc độ quay của máy rất nhanh, có thể đạt 50m/s. Khi mài sẽ phát sinh nhiều bụi
- Đá mài được chế tạo bằng các loại hạt vật liệu cứng, rất nhỏ, được ép dính lại với nhau bằng các chất kết dính, sức bền nén của đá rất tốt, nhưng sức bền kéo lại quá yếu nên dễ bị vỡ

YẾU TỐ NGUY HIỂM

4. VẬT VĂNG BẮN

- Sử dụng các nắp, lưới che chắn
- Có khoảng cách an toàn theo quy định
- Sử dụng đúng và đầy đủ PTBV CN
- Tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn theo quy định (1)



YẾU TỐ NGUY HIỂM

5. VẬT RƠI, ĐỔ, SẬP

- Đứt dây khi đang cẩu vật liệu, cấu kiện;
- Vật liệu, cấu kiện rơi khi chằng, buộc không chặt, xếp quá đầy;
- Vật liệu, dụng cụ, rơi trong khi đang làm việc ở trên cao;
- Máy cẩu đổ do không gia cố chân đế khi cẩu;
- Cần cẩu đổ do cẩu quá tải, tầm với quá xa;
- Đồ giàn giáo hoặc thang;
- Sạt lở đất;
- Sập đổ công trình do chất lượng, kết cấu không đảm bảo.



YẾU TỐ NGUY HIỂM

5. VẬT RƠI, ĐỔ, SẬP



YẾU TỐ NGUY HIỂM

5. VẬT RƠI, ĐỔ, SẬP



Biện pháp phòng ngừa:

- ▶ Làm việc tuân thủ đầy đủ nội quy, sử dụng đầy đủ trang bị PTBV CN được cấp phát
- ▶ Tuân thủ tuyệt đối tiêu chuẩn công việc.
- ▶ Xây dựng các hệ thống che chắn, cảnh báo để phòng ngừa tai nạn



YẾU TỐ NGUY HIỂM

6. NỔ HÓA HỌC, NỔ VẬT LÝ

- Ví dụ về nổ vật lí:
 - + Nổ lốp xe
 - + Nổ nồi hơi
 - + Nổ đường dẫn khí nén
- Ví dụ về nổ hóa học:
 - + Nổ pháo hoa.
 - + Nổ súng, bom.
 - + Nổ mìn khai thác đá vôi.
 - + Nổ bình gas.
 - + Nổ khoang tàu chứa dầu đã hút cạn dầu.



Phân tích nguyên nhân gây tai nạn

Nguyên nhân kỹ thuật



Phân tích nguyên nhân gây tai nạn

Nguyên nhân tổ chức sản xuất và quản lý



Đánh giá phòng ngừa yếu tố nguy hiểm

1. **Định tính:** Nhìn, nghe, ngửi, cảm giác, đây chuyên công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn
2. **Định lượng:** Sử dụng các thiết bị, máy đo, phân tích,... Để đánh giá sự phù hợp
3. **Nhận biết:** Sử dụng bảng checklist, kiểm tra để so sánh với các quy định, Tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật an toàn, để đánh giá sự phù hợp về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý
4. **Dự báo:** Phỏng vấn người trực tiếp tiếp xúc với quy trình công nghệ, và các YTNH, YTCH để đánh giá
5. **Dựa vào quy trình sản xuất:** nguyên vật liệu, thành phẩm

Đánh giá quản lý yếu tố nguy hiểm

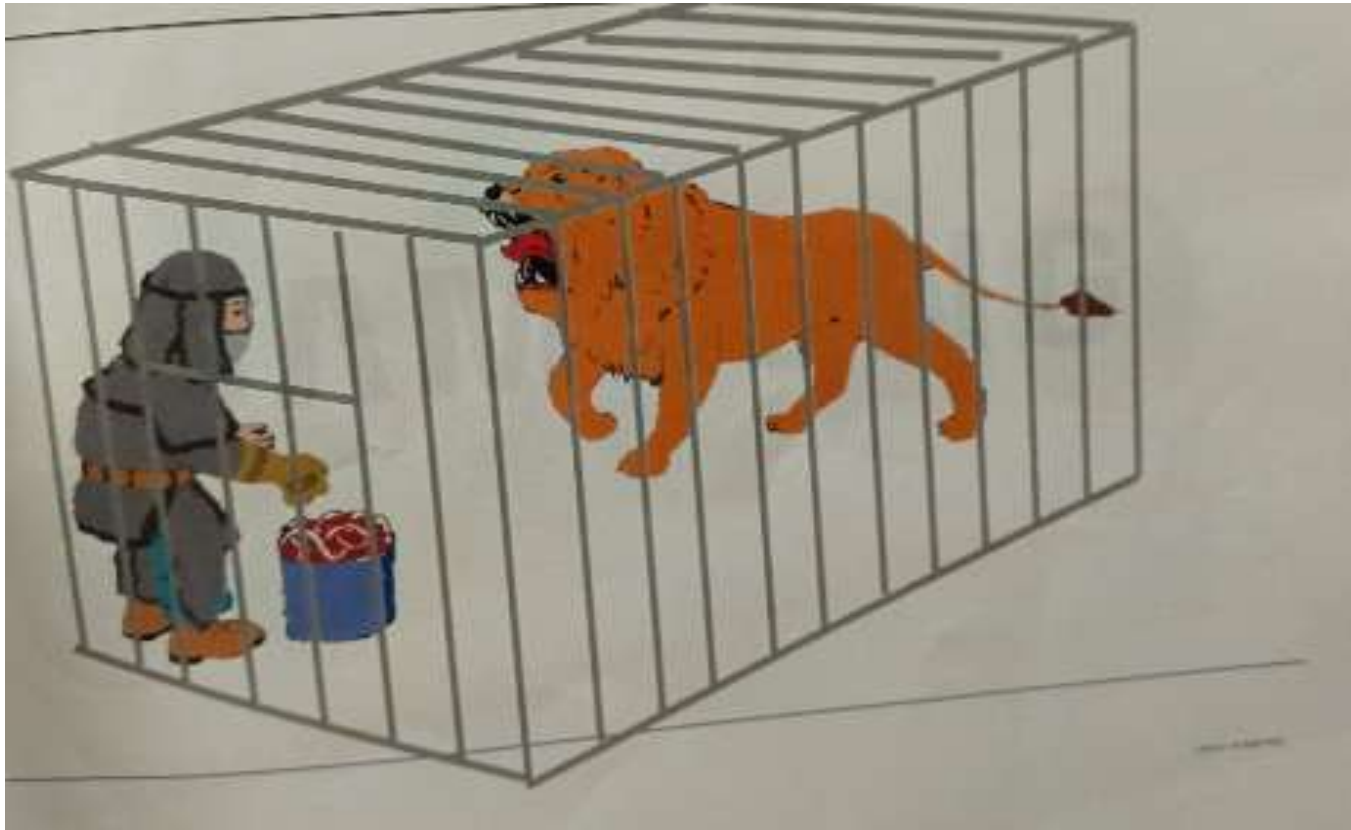
Yêu cầu

1. Xem xét toàn bộ quy trình sản xuất, xác định các YTNH
2. Xây dựng các phương án khống chế và ngăn ngừa (chọn lựa phương án phù hợp)
3. Tổ chức lực lượng, tài chính, vật chất, kỹ thuật để quản lý và xử lý các YTNH

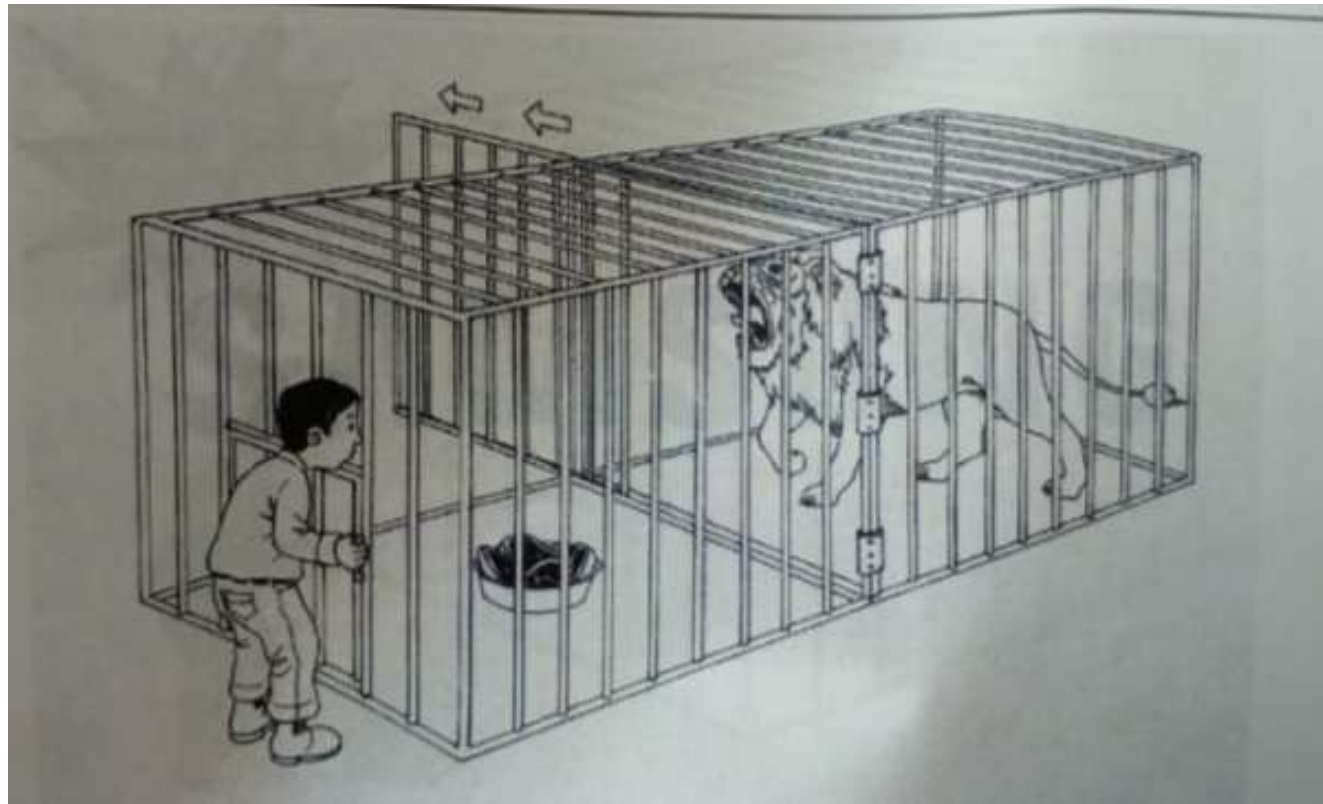
Đánh giá tình huống



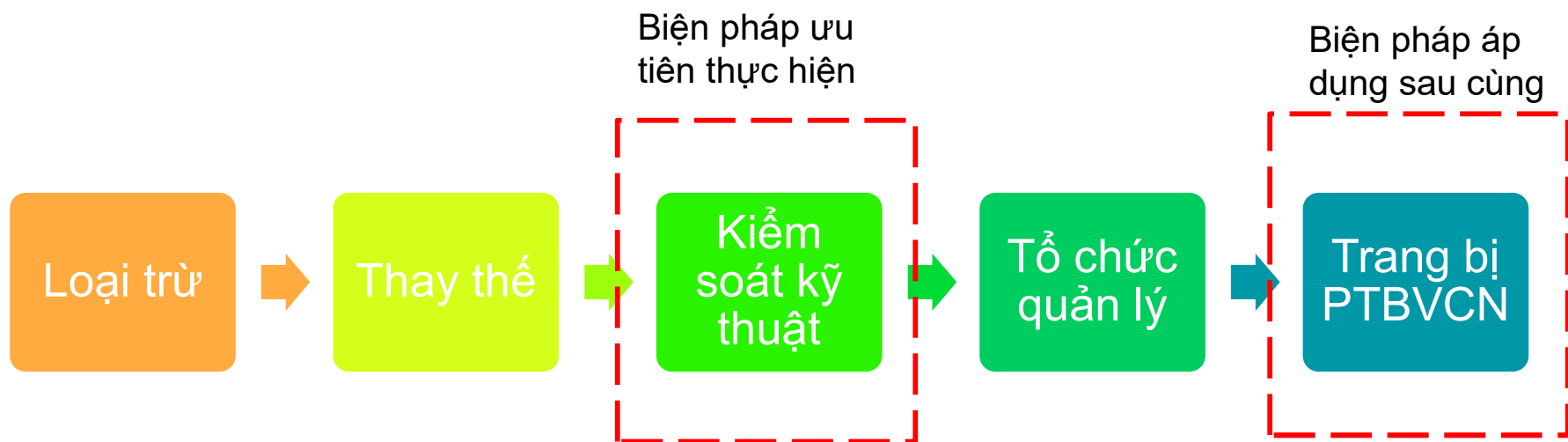
Đánh giá tình huống



Đánh giá tình huống



Các biện pháp kiểm soát đối với nguy cơ và rủi ro



Vi khí hậu gồm:

- Nhiệt độ
- Độ ẩm
- Tốc độ gió
- Bức xạ nhiệt

Tác hại:

- Vi khí hậu nóng gây mệt mỏi, giảm trí nhớ, kém tập trung, nhức đầu, mất nước,...
- Vi khí hậu lạnh gây bệnh về khớp, phổi,...



1. Cơ chế say nắng, say nóng

- Ngày nắng nóng, độ ẩm cao, cơ thể không thải được nhiệt bằng bay hơi qua da, hơi thở gây tích nhiệt (sốt 38-42°C). Cơ thể phải cân bằng nhiệt bằng ra mồ hôi để thải nhiệt dẫn đến: Mất nước, mất muối, mất các vi chất (Mg^{++} , Ca^{++} ...) và vitamin B, C ... mất nước nhiều gây đột quỵ.

Máu đặc lại, độ nhớt kém, tim đập 140 lần/phút để đưa máu đi nuôi cơ thể..., thở 30 lần/phút, có thể gây trụy mạch.

Trời nắng nóng vượt quá khả năng cân bằng nhiệt dẫn đến rối loạn thân nhiệt gây bệnh lý, nặng gây choáng nhiệt.

- Làm việc, sinh hoạt ngoài trời nắng gắt, thợ hàn điện... ngoài tiếp xúc với nhiệt độ cao còn phải tiếp xúc với tia bức xạ:

Tia bức xạ IR làm tăng thân nhiệt.

Tia UV có chỉ số cao chiếu vào đầu, xuyên vào hành tủy, làm não bộ nóng lên 43-46°C gây viêm não cấp (xung huyết não, phù nề màng não), bị say nắng nặng, có nguy cơ tử vong.

Vi khí hậu

YẾU TỐ CÓ HẠI

2. Mục tiêu

Kiểm soát được nguy cơ để chủ động ứng phó.

3. Kỹ năng kiểm soát nguy cơ để ứng phó

Nghe thời tiết báo trên 34°C chuẩn bị nước uống đầy đủ, mũ nón, quần áo, kính..., ăn nhiều chất giàu khoáng chất, vitamin.

Cảm nhận: oi bức, mệt mỏi, khó chịu, vã mồ hôi, khát nước (nguy cơ bị bệnh đang đến)... phải nghỉ nơi thoáng mát, uống nước đủ (không uống nước đá, vào phòng điều hoà).

4. Dấu hiệu bệnh lý (say nóng gần giống say nắng)

Nhẹ: Người mệt mỏi, chuột rút, mồ hôi ướt đẫm, khát nước, nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn, nôn mửa, khó thở... Phải nghỉ, xử lý ngay, chậm có thể gây choáng nhiệt.

Bệnh nặng: (đưa ngay vào bệnh viện)

Say nóng: mạch nhanh, sốt tới 39 - 42°C, mê sảng, hôn mê...

Say nắng: nặng hơn say nóng, thường phối hợp cả say nóng, Bệnh nhân không sốt, mê sảng, ảo ảnh, co giật, hôn mê..., chậm cấp cứu có nguy cơ tử vong ...

Vi khí hậu

5. Xử lý

YẾU TỐ CÓ HẠI

Nguyên tắc: bù nước mất, hạ nhiệt từ từ

Nghỉ ở nơi thoáng mát, uống nước ấm cho đến khi hết khát, như nước giải nhiệt, nước hoa quả, nước khoáng, nước lọc cho thêm ít muối, tốt nhất là nước oresol, sports, sau đó lau nước ấm, quạt mát, chườm nước ấm, tắm nước ấm 29°C-35°C. Sau 20 phút không đỡ đưa vào bệnh viện.



CẤP CỨU CẢM LẠNH

Cơ chế cảm lạnh: Những ngày trời giá rét, cơ thể phải sinh nhiệt để bù lượng nhiệt mất đi. Nhiệt độ thấp quá khả năng sinh nhiệt sẽ gây rối loạn trung tâm điều hòa thân nhiệt dẫn đến cảm lạnh, nặng có thể bị chết rét.

Mục tiêu: Kiểm soát được nguy cơ

Kỹ năng kiểm soát: Nghe dự báo thời tiết trời rét đậm, rét hại. Cảm nhận của mình thấy nổi da gà, rét run, ho, sổ mũi...

Xử lý: Nằm ở nơi kín gió, đắp chăn, uống nước nóng, nước gừng nóng, ly rượu vang... Lúc sau đánh gió bằng gừng, xông hơi lá thơm, tắm nước nóng,...

YẾU TỐ CÓ HẠI

Biện pháp phòng ngừa:



Thiết kế, xd, cải tạo nhà xưởng hợp lý



Cơ giới hoá, tự động hoá



Lắp đặt hệ thống KT vệ sinh đầy đủ



Tổ chức lao động hợp lý



Quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu



Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp

- Khám sức khỏe ban đầu, định kỳ
- Có tủ thuốc sơ cấp cứu
- Tổ chức uống chè giải nhiệt, cao chống lạnh...

Ồn

YẾU TỐ CÓ HẠI

Tiếng ồn phát sinh do:

- Máy, thiết bị đang vận hành, làm việc sản xuất gây ra
- Do các va đập cơ khí
- Do nổ
- Âm thanh, cộng hưởng
- ...

Khi tiếng ồn phát ra liên tục và vượt quá 85dB, là quá ồn, cần có biện pháp khắc phục.

Mức cực đại không quá 115 dB



Ồn

YẾU TỐ CÓ HẠI

1. Tác hại của tiếng ồn:

- Tiếng ồn cao gây tổn thương thần kinh thính giác → điếc nghề nghiệp
- Gây căng thẳng, mệt mỏi, nhức đầu, suy nhược cơ thể
- Làm tăng nhịp tim, huyết áp giảm, gây hội chứng tiền đình...
- Gây TNLD

2. Kỹ năng kiểm soát

3. Biện pháp phòng ngừa...





Ồn

YẾU TỐ CÓ HẠI

Biện pháp phòng ngừa:

- Đo độ ồn bằng thiết bị chuyên dụng;
- Sử dụng thiết bị ít gây ồn, có các bộ phận giảm ồn đi kèm;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy;
 - Xây dựng tường bao che ngăn cản tiếng ồn; Lắp cabin chống ồn;
- Di chuyển máy, thiết bị quá ồn ra xa nơi công cộng, đông người;
- Sử dụng nút tai, chụp tai chống ồn;
- Luân chuyển thay đổi NLĐ làm việc ở những nơi có độ ồn cao thường xuyên, tổ chức khám sức khỏe định kỳ;

Rung

YẾU TỐ CÓ HẠI

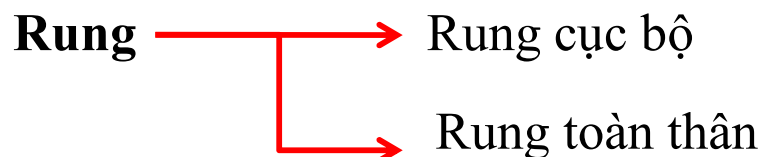
Rung là những dao động cơ học, được sinh ra bởi sự chuyển dịch có tính tuần hoàn trọng tâm của một vật thể xung quanh vị trí cân bằng.

Một số nghề, công việc có khả năng tiếp xúc với rung động như: điều khiển xe forklift, vận hành máy đập, làm việc với các dụng cụ cầm tay như: máy phun sơn, máy mài, máy đánh bóng, súng khí nén, súng bắn ốc...



Rung

YẾU TỐ CÓ HẠI



Tác hại:

- Rung động toàn thân với tần số và gia tốc lớn sẽ làm tổn thương hệ thần kinh, hệ tim mạch và hệ xương cơ khớp của người lao động.
- Rung động cục bộ lại gây ra các tình trạng như: tê nhức, mất cảm giác, khó cầm nắm các dụng cụ. Những bệnh lý của rung động cục bộ gây ra thường là: mỏi cơ, đau các khớp, gây rối loạn thần kinh, hô hấp và tuần hoàn.



Rung

YẾU TỐ CÓ HẠI

Biện pháp phòng ngừa:

- Thay đổi quy trình công nghệ,
- Sử dụng thiết bị ít rung hơn;
- Thiết bị có giảm sóc, giảm rung;
- Ghế có giảm sóc, đệm chống rung cho người làm việc
- Tổ chức làm việc hợp lý: Không bố trí công nhân làm liên tục, làm lâu với thiết bị rung nhiều
- Sử dụng PTBVCN
- Khám phát hiện bệnh sớm để điều trị kịp thời

Bụi

YẾU TỐ CÓ HẠI

Bụi là tập hợp của nhiều hạt có kích thước nhỏ bé tồn tại trong không khí; nguy hiểm nhất là bụi có kích thước từ $0,5 - 5 \mu\text{m}$. Khi hít phải loại bụi này sẽ có 70-80% lượng bụi đi vào phổi, làm tổn thương, gây bệnh về phổi

Phân loại bụi:

- Bụi khoáng chất: bụi đất đá, amiăng, silic, xi măng ...
- Bụi kim loại: chì, mangan, niken, sắt ...
- Bụi hữu cơ: bụi thảo mộc, bông, đay, len, rơm rạ -
- Bụi sinh học: nấm, mốc, nha bào



Bụi

YẾU TỐ CÓ HẠI

Tại hại của bụi

a/ Tác hại đến mắt.

Bụi vào mắt gây viêm giác mạc, viêm màng tiếp hợp, gây dị ứng ...

b/ Tác hại trên da:

- Bụi bám vào da bít lỗ tuyến mồ hôi ảnh hưởng đến điều hoà nhiệt của cơ thể ...
- Bụi bít kín tuyến nhờn gây ghẻ lở, mụn nhọt, ...
- Bụi hoá chất gây dị ứng, viêm da, tổn thương da. Bụi cắm vào da có thể gây ung thư da (amiăng...), bụi hoá chất bám vào da ngấm vào máu đi khắp cơ thể gây nhiễm độc.

c/ Tác hại đến cơ quan hô hấp.

- Bụi khoáng, bụi thực vật, bụi sợi gây bệnh bụi phổi (silíc, bông, amiăng ...)
- Bụi thực vật mang vi sinh vật gây bệnh (Bụi rơm rạ, nấm, mốc ...)

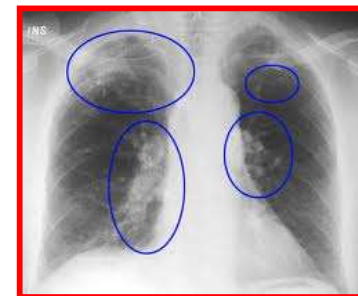


Bụi

YẾU TỐ CÓ HẠI

Biện pháp phòng ngừa:

- Thay đổi quy trình công nghệ, nguyên vật liệu ít sinh ra bụi
- Sử dụng thiết bị, máy ít sinh ra bụi
- Máy thiết bị có bộ phận hút bụi
- Thường xuyên sử dụng các thiết bị hút bụi, đập bụi
- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng thông thoáng, sạch sẽ.
- Sử dụng các PTBV CN, vệ sinh cá nhân.



Ánh sáng

YẾU TỐ CÓ HẠI

Ánh sáng gồm ánh sáng tự nhiên (mặt trời), ánh sáng nhân tạo (đèn dầu, đèn huỳnh quang,...)

- Ánh sáng thấp dưới mức cho phép người lao động làm việc chóng mệt mỏi, đau đầu, căng mắt, làm giảm thị lực. Làm việc lâu dài có thể gây cận thị, loạn thị. Ánh sáng không phù hợp còn làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, đến năng suất lao động và còn có nguy cơ gây tai nạn lao động.
- Ánh sáng quá cao gây chói mắt, tổn thương giác mạc, võng mạc, màng tiếp hợp. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây đục nhân mắt.
- Ánh sáng quá cao còn làm môi trường nóng lên.





Ánh sáng

YẾU TỐ CÓ HẠI

Biện pháp phòng ngừa:

- Trang bị đầy đủ hệ thống chiếu sáng phù hợp với công việc
- Sử dụng đầy đủ PTBV CN khi làm việc
- Tuân thủ tuyệt đối tiêu chuẩn công việc

Hóa chất ngày càng được dùng nhiều trong sản xuất công nghiệp, đời sống xã hội

- Xăng, dầu, sơn ...
- Các kho bảo quản, vận chuyển hóa chất
- Các phòng thí nghiệm
- Sử dụng trong công việc hàng ngày...

Chúng trở thành hoá chất độc khi chúng xâm nhập vào cơ thể người lao động dù một lượng rất nhỏ cũng có thể gây nên tình trạng bệnh lí.



1. Các thể dạng

Dạng bụi, bột, hơi khí, khói, sương mù...

2. Đường xâm nhập và đào thải

Vào đường thở, da, tiêu hóa...

Ra đường tiêu hóa, tiết niệu...

3. Tác hại của hoá chất:

Mặc dù tiếp xúc với hóa chất độc dưới mức giới hạn cho phép nhiều lần, vẫn có thể gây suy giảm sức khỏe.

- Lao động càng nặng nhọc nguy cơ càng cao.



- Cùng một lúc tiếp xúc với nhiều hóa chất độc khác nhau gây cộng hưởng.

- Hơi, khí gây ngạt thở:

Khí CO₂ gây ngạt thở đơn giản

Khí SO₂, NO_x, NH₃, H₂S... gây ngạt thở hóa học.

- Hóa chất gây bỏng như axit, kiềm mạnh.

- Hóa chất gây ung thư như asen, amiang.

- Hóa chất gây biến đổi gen: benzen, vinyl chloride...

Tác hại của hóa chất

* Đường hô hấp

- Khi hít thở, hoá chất theo không khí vào mũi hoặc miệng, qua họng, xuống khí quản, vào tới phổi và lắng đọng tại phổi hoặc qua thành mạch máu vào máu.



* Đường da

- Hoá chất d dính lên da, thâm nhập qua da và tốc độ thâm nhập sẽ nhanh hơn qua chỗ da bị tổn thương.



* Đường tiêu hoá

- Do ăn uống hoặc hút thuốc khi tay bị nhiễm bẩn từ hoá chất; Do ăn uống thực phẩm bị nhiễm độc bụi hoặc hơi hoá chất trong KK; Do hít thở phải các hạt bụi hoá chất vào họng và nuốt nó; Do ăn uống nhầm phải hoá chất...

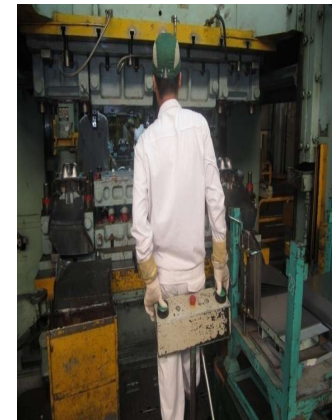
Biện pháp phòng ngừa:

- Biết loại hoá chất đang tiếp xúc, đường thâm nhập vào cơ thể, biện pháp phòng ngừa và vệ sinh cá nhân.
- Nắm vững quy trình làm việc an toàn. Nhận biết nguy cơ và sự cố khi những biện pháp kiểm soát bị hư hỏng. Hiểu được thông tin ghi trên các nhãn.
- Sử dụng đúng và có hiệu quả các phương tiện bảo vệ cá nhân, các biện pháp sơ cứu ban đầu khi xảy ra tai nạn.
- Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, giảm tiếp xúc trực tiếp với các hóa chất độc hại.
- Hệ thống kho tàng bảo quản hoá chất phải đảm bảo các tiêu chuẩn về nhiệt độ, ánh sáng, thông gió.

Tư thế làm
việc

Ồ CÓ HẠI

Do yêu cầu của công nghệ và tổ chức lao động mà NLĐ có thể phải lao động ở cường độ lao động quá mức theo ca, kíp; tư thế làm việc gò bó trong thời gian dài, ngửa người, vẹo người, treo người trên cao, mang vác nặng, động tác lao động đơn điệu, buồn tẻ hoặc phải tập trung chú ý cao gây căng thẳng về thần kinh tâm lý.

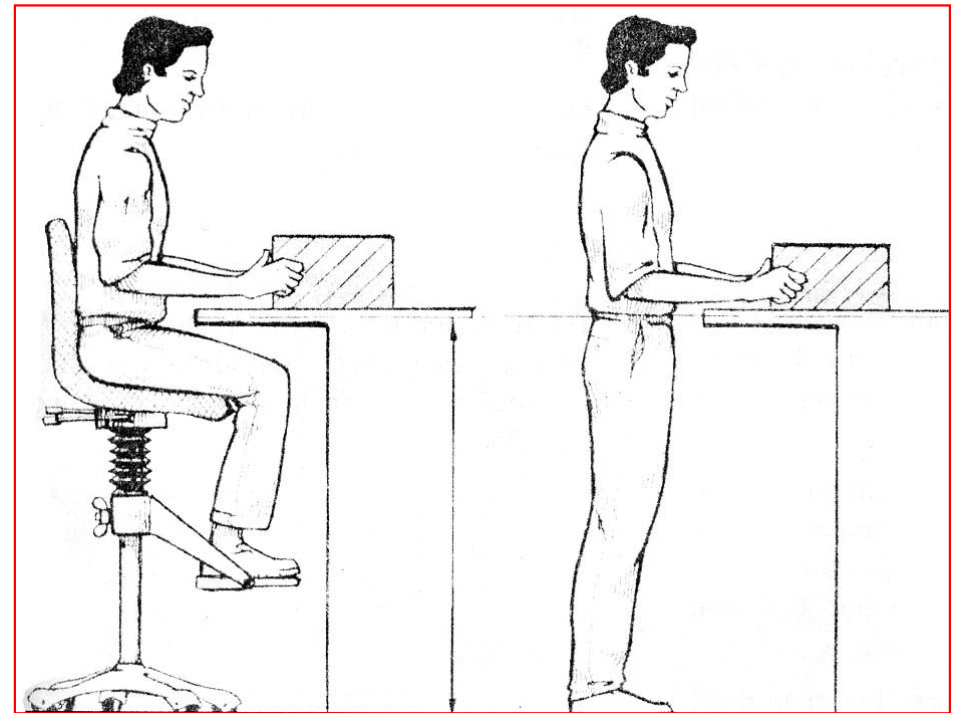


Tư thế làm việc

YẾU TỐ CÓ HẠI

1. Tư thế đứng lâu

- Gây căng bắp chân, lưu thông huyết kém...
- Có thể gây nên vôi hoá cột sống, gai đôi cột sống...
- Viêm dây thần kinh tọa
- Khuân vác nặng gây biến dạng các khớp xương, chân chữ x, vòng kiềng, gây bệnh bàn chân bệt...



Tư thế làm việc

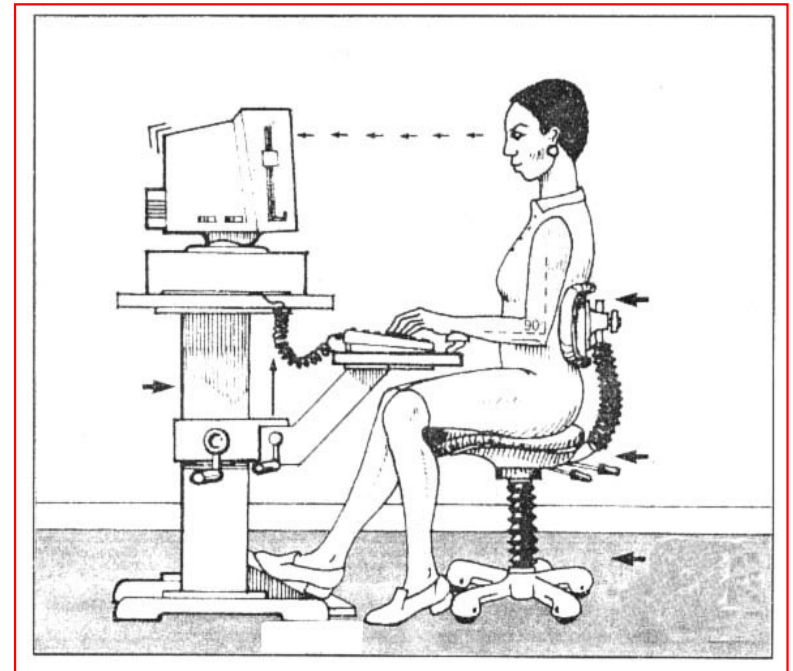
YẾU TỐ CÓ HẠI

2. Tư thế ngồi lâu:

- Gây tăng áp lực ổ bụng ảnh hưởng đến sự co bóp dạ dày và nhu động ruột → táo bón, bệnh trĩ...
- Đối với nữ gây rối loạn kinh nguyệt, đau bụng, viêm tử cung ...

3. Biện pháp phòng, ngừa

- Thiết kế bàn, ghế làm việc phù hợp với nhân trắc người làm việc, có hệ thống điều chỉnh cao thấp tạo điều kiện thay đổi tư thế làm việc
- Tập thể dục giữa giờ



YẾU TỐ CÓ HẠI

Tác hại: ĐKLĐ trên gây nên những hạn chế cho hoạt động bình thường, gây trì trệ phát triển, gây hiện tượng tâm lý mệt mỏi, chán nản dẫn tới những biến đổi ức chế thần kinh, gây bệnh tâm lý mệt mỏi, uể oải, suy nhược thần kinh, đau mỏi cơ xương, có khi dẫn đến TNLĐ.

Biện pháp phòng ngừa:

- Tổ chức lao động phải phù hợp với cơ thể của người lao động (có thể thêm các thiết bị phụ trợ), không đòi hỏi NLĐ phải làm việc quá căng thẳng, nhịp độ quá khẩn trương và hạn chế thực hiện những thao tác gò bó;
- Đối với các máy, thiết bị có kích thước, chiều cao không phù hợp với người lao động cần thiết kế các thiết bị hỗ trợ.

Nguyên nhân

Do nhiều yếu tố độc hại khác nhau trong môi trường lao động tác động lên cơ thể nên bệnh thường phức tạp. Một nguyên nhân có khả năng gây nên nhiều hội chứng bệnh lý khác nhau ví dụ như chì có thể gây nên hội chứng thiếu máu, rối loạn thần kinh thực vật.

Một hội chứng cũng có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau tác động gây nên ví dụ benzen, chì, asen đều gây thiếu máu suy nhược cơ thể tuy cơ chế có khác nhau.

Biện pháp phòng ngừa

Biện pháp kỹ thuật

- Tự động hóa, cơ giới hóa
- Giảm thời gian tiếp xúc với các yếu tố có hại

Tổ chức lao động hợp lý

- Chế độ lao động
- Thời gian nghỉ ngơi

Các biện pháp hồi phục sức khỏe người lao động

- Chế độ dinh dưỡng
- Nghỉ ngơi, giải trí
- Nâng cao sức khỏe tinh thần

04

VĂN HÓA AN TOÀN



Văn hóa an toàn

1. Thế nào là văn hóa an toàn tại nơi làm việc?

Theo kết luận của “Hội nghị lao động quốc tế tổ chức tháng 6/2023” thì Văn hóa an toàn: văn hóa mà trong đó quyền được hưởng một môi trường làm việc an toàn và vệ sinh của người lao động được các ngành, các cấp coi trọng, đó là văn hóa mà trong đó Chính phủ, các cấp chính quyền, người sử dụng lao động và người lao động với một hệ thống các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ được tham gia tích cực vào việc đảm bảo một môi trường làm việc an toàn và vệ sinh; đó là văn hóa mà nguyên tắc phòng ngừa được đặt lên hàng đầu.

Xây dựng văn hóa an toàn tại nơi làm việc là gì?

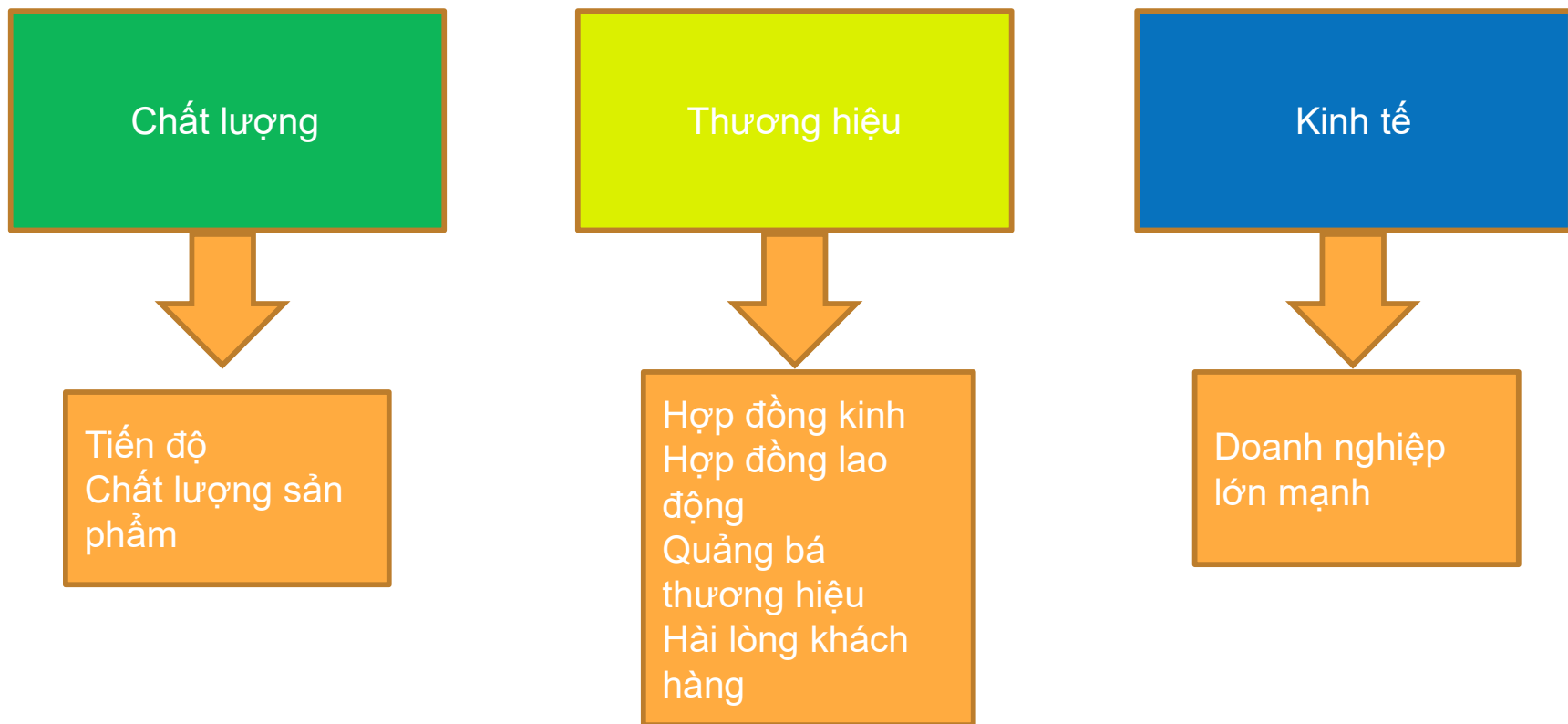
Đảm bảo an toàn,
phòng chống tai nạn,
BNN, cháy nổ

Ý thức, tác phong, thói
quen làm việc an toàn

Xây dựng quy tắc,
chuẩn mực ứng xử

Văn hóa an toàn

2. Lợi ích



Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn

Theo tổ chức lao động thế giới (ILO), văn hóa an toàn gồm 3 yếu tố



Hệ thống pháp luật hoàn chỉnh của Nhà nước



việc doanh nghiệp chấp hành pháp luật, tạo điều kiện tốt nhất để thực thi quy trình, quy phạm an toàn lao động



Sự tự giác, tự thân nêu cao ý thức tự bảo vệ mình của người lao động

Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn

Tác động vào 3 đối tượng

Lãnh đạo

Người lao động

Môi trường



Nhận thức đúng về VHAT

Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn

Nhân thức của lãnh đạo và NLĐ

Truyền thông chuyển đổi hành vi



Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn

Nhân thức của lãnh đạo và NLĐ



Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn

An toàn vệ sinh lao động

Thụ động



Không thực hiện

Phụ thuộc



Bộ phận an toàn bắt buộc

Độc lập



Thói quen tuân thủ

Tương tác



Nhắc nhở mọi người thực hiện theo

Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn



Nhận thức và cơ sở pháp lý



Nắm vững khái niệm và định nghĩa về VHAT



Thông tin, tuyên truyền, huấn luyện ATVSLĐ, VHAT cho mọi đối tượng



Xây dựng chương trình hành động cụ thể: Chính sách, cam kết của lãnh đạo, nội dung, biện pháp về VHAT đưa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của cơ sở



Lấy ý kiến từ NLĐ và xây dựng mối liên kết giữa lãnh đạo và NLĐ



Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn



Nhận
thức

Biện pháp để thay đổi nhận thức: tuyên truyền, định kỳ tổ chức các cuộc họp an toàn, nói về vấn đề an toàn trong mỗi cuộc họp...



Thái độ

Thái độ về an toàn có thể thay đổi khi có sự nhất quán ở mọi cấp độ trong tổ chức, phản ánh mức độ ưu tiên của công ty với an toàn. Thái độ có thể thay đổi khi công ty không xem nhẹ vấn đề an toàn ngay cả khi chịu áp lực tiến độ hoàn thành công việc

Văn hóa an toàn

3. Xây dựng văn hóa an toàn



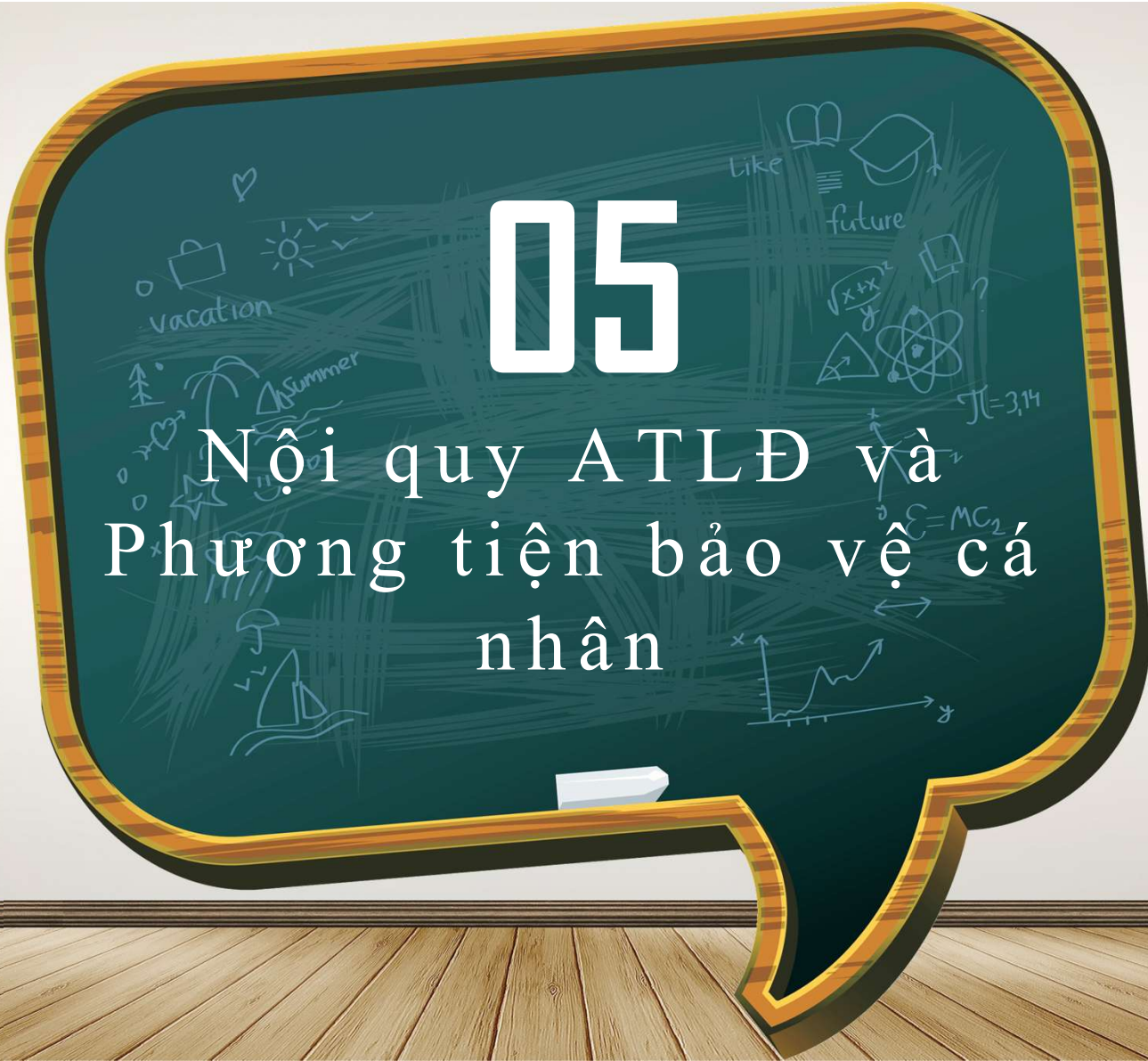
Niềm tin

- Xây dựng đội ngũ có niềm tin
- Truyền thông về sự thành công tạo niềm tin
- Người lao động trực tiếp kiểm tra, đánh giá



Giá trị

Thay đổi giá trị đòi hỏi sự cam kết bền vững



05

Nội quy ATLĐ và
Phương tiện bảo vệ cá
nhân

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

Người sử dụng lao động căn cứ pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

TRANG BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

EQUIP WORKWEAR

MŨ BẢO HỘ

SAFETY HELMETS

QUAI MŨ

STRAPS HATS

DÂY DAI AN TOÀN

SAFETY BELT

Găng tay bảo hộ

PROTECTIVE GLOVES

Giày bảo hộ

SAFETY SHOES

AN TOÀN LÀ TRÊN HẾT

SAFETY FIRST

NỘI QUY

1. Trang bị và sử dụng các bảo hộ lao động đúng cách, đúng quy định.
Preparation and use safety helmet is right way.

2. Kiểm tra máy móc và các dụng cụ trước khi thi công.
Check the machine and equipments before working.

3. Không sử dụng máy móc cho đến khi nhìn thấy tem "Được phép sử dụng" trên máy.
Do not use machinery until you see stamps "are allowed to use" on a machinery.

4. Tuyệt đối tuân theo sự chỉ dẫn của người phụ trách, giám sát thi công và tuân hành thi công đúng kỹ thuật.
Always follow the instruction given by the authorized personnel, construction supervisor and conducting work proper technique.

5. Sử dụng dây an toàn ở những nơi có nguy cơ ngã cao.
Use safety belt where is a risk of falling.

6. Không vào khu vực có biển báo cấm hoặc các khu vực nguy hiểm khác.
Never enter into area where there is prohibition notice or other dangerous areas.

7. Lập tức báo cáo cho người phụ trách, giám sát thi công ngay khi phát hiện hiện tượng không an toàn.
Immediately keep the authorized personnel, construction supervisor about any condition unsafe as soon as it occurs.

8. Tại các khu vực thi công phải lắp, tuân theo các biển pháp và chỉ dẫn về an toàn đã được xác lập.
At areas construction combined, follows all the measures and safety instructions have been set up.

9. Sử dụng điện, các vật tư độc hại một cách thận trọng và tuân theo các biện pháp thực hiện đã xác lập.
Electricity use, hazardous materials carefully and follow these practices measures have been set up.

10. Đảm bảo công trường thi công luôn luôn được sắp xếp gọn gàng và sạch sẽ sau khi thi công.
Ensure construction site are always tidy and clean after construction is complete.

650 x 414

QUY ĐỊNH TRANG PHỤC KHÍ VÀO XƯỞNG SẢN XUẤT.

Mũ bảo hộ

Quai mũ

Dây đai an toàn

Găng tay

Giày bảo hộ

QUY ĐỊNH TUÂN THỦ KHU VỰC SẢN XUẤT.

10 Phải - 규정활동 10가지

1. Phải tuân thủ thời gian làm việc, giờ nghỉ ngơi theo quy định.
2. Phải tuân thủ quy trình làm việc.
3. Phải mặc đồ bảo hộ lao động theo quy định.
4. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn lao động.
5. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về vệ sinh lao động.
6. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về môi trường.
7. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an ninh.
8. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an ninh.
9. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an ninh.
10. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an ninh.

10 Không - 규제활동 10가지

1. Không mang đồ ăn, thức uống vào khu vực sản xuất.
2. Không sử dụng thiết bị cá nhân trong khu vực sản xuất.
3. Không mang giày dép không phù hợp vào khu vực sản xuất.
4. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.
5. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.
6. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.
7. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.
8. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.
9. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.
10. Không mang trang phục không phù hợp vào khu vực sản xuất.

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

1. Các quy tắc an toàn khi đi lại:

- Chỉ được đi lại ở các lối đi riêng cho người đã được xác định;
- Khi lên xuống thang phải vịn tay vào lan can;
- Không nhảy từ vị trí trên cao như giàn giáo xuống đất;
- Khi có chướng ngại vật trên lối đi phải dọn ngay để thông đường.
- Không đi lại trong khu vực có người làm ở bên trên hoặc có vật treo ở trên.
- Đội mũ cứng khi đi lại phía dưới các công trình xây dựng.
- Không bước, giẫm qua máy cắt, góc máy, vật liệu, thiết bị và đường dành riêng cho vận chuyển.

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

2. Các quy tắc an toàn nơi làm việc

- Không bảo quản chất độc ở nơi làm việc;

Khi làm việc bên trên nên cấm người đi lại phía dưới, không ném đồ, dụng cụ xuống dưới.

- Nơi làm việc luôn được giữ sạch sẽ, dụng cụ, vật liệu được sắp xếp gọn gàng.

Thực hiện theo các biển báo, các quy tắc an toàn cần thiết.

3. Các quy tắc an toàn đối với các công việc tập thể:

- Khi làm việc tập thể phải phối hợp chặt chẽ với nhau;
- Chỉ định người chỉ huy và làm việc theo tín hiệu của người chỉ huy;
- Sử dụng dụng cụ bảo hộ trước khi làm việc.
- Tìm hiểu kỹ trình tự và cách làm việc, tiến hành theo đúng trình tự;
- Khi đổi ca phải bàn giao công việc, khi vận hành phải quan sát người xung quanh.

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

4. Các quy tắc an toàn trong sắp xếp vật liệu:

- Vật liệu đưa vào kho phải có đủ nhãn, mác và phải làm phiếu theo dõi;
- Dùng giá đỡ để tiết kiệm không gian của kho;
Dùng đế kê và định vị chắc chắn khi bảo quản vật dễ lăn.(các loại vật liệu cuộn tròn như: cuộn giấy, cuộn vải được chèn chặt chống lăn 2 phía)
- Xếp vật liệu riêng theo từng loại và theo thứ tự thời gian nhập kho để thuận tiện cho việc bảo quản, sử dụng;
- Khi xếp hàng hóa ở dạng đóng bao hoặc hình khối phải xếp từ dưới lên, khi lấy hàng phải lấy từ trên xuống.
Bảo đảm khoảng cách giữa các lô hàng, giữa lô hàng tới tường độ cao xếp hàng tới trần để việc bảo quản bốc xếp được an toàn;
Bảo quản riêng các chất độc, chất gây cháy, chất dễ cháy, axit và các loại chai chứa khí.

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

5. Các quy tắc an toàn khi tiếp xúc với chất độc hại:

- Cần phân loại, dán nhãn và bảo quản chất độc hại tại nơi quy định;
- Phải xem kĩ nhãn mác trước khi sử dụng. Không sử dụng hóa chất hoặc không có nhãn;
- Không ăn uống, hút thuốc ở nơi làm việc;
- Sử dụng các PTBV CN (mặt nạ chống độc, gang tay...), dụng cụ phòng hộ;
- Những người không nhiệm vụ không được vào khu vực làm việc chứa hóa chất;
- Thật cẩn thận khi sử dụng các chất kiềm, a xít;
- Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn uống.

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

6. Các quy tắc an toàn khi sử dụng PTBV CN:

Chỉ sử dụng những PTBV CN được cấp phát;

Sử dụng PTBV CN đúng mục đích bảo vệ;

Khi PTBV CN bị hư hỏng, rách do chất lượng kém thì yêu cầu được cấp phát mới;

Không sử dụng gang tay vải khi làm việc với các loại máy quay như máy khoan.....

Sử dụng áo, găng tay chống hóa chất; kính bảo hộ khi tiếp xúc với hóa chất;

Cần sử dụng dụng cụ bảo vệ như nút lỗ tai, bịt tai khi làm việc trong môi trường có độ ồn trên 85dB;

Khi làm việc độ cao 2m trở lên cần sử dụng thiết bị chống ngã cao ...

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

NỘI QUY AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA CƠ SỞ

•1. Thời gian làm việc:

- Đến nơi làm việc đúng giờ;
- Không đi muộn, về sớm;
- Nghỉ việc có lí do và chỉ nghỉ khi được phép;

•2. Chấp hành sự phân công thực hiện nhiệm vụ, công việc:

- Chỉ những người được phân công nhiệm vụ mới được vào nơi làm việc.
- Chỉ thực hiện nhiệm vụ, công việc khi có đầy đủ các biện pháp làm việc an toàn và vệ sinh.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao nếu có nguy cơ sự cố xảy ra thì báo với người sử dụng lao động hoặc quản đốc, không được tự mình xử lí các sự cố.

Nội quy, quy trình đảm bảo An toàn vệ sinh lao động

NỘI QUY AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA CƠ SỞ

3. Tư thế làm việc:

- Làm việc đúng tư thế, đảm bảo thao tác thuận lợi và an toàn;
- Khi làm việc ở các vị trí nguy hiểm như: trên cao, trong hầm hào....cần đảm bảo có các biện pháp làm việc an toàn;
- Sử dụng đầy đủ PTBV CN.

4. Chấp hành các nội quy, quy định về ATVSLĐ:

- Chấp hành kỉ luật lao động, không ăn uống tại nơi làm việc, không rời bỏ nơi làm việc;
- Thực hiện tốt các quy định về PCCN;
- Thực hiện các nội quy lao động;
- Thường xuyên kiểm tra các biện pháp làm việc ATVSLĐ.

Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

* **Khái niệm:** là các dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang bị để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện các nhiệm vụ trong điều kiện có các yếu tố nguy hiểm, có hại khi các thiết bị kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động tại nơi làm việc chưa thể loại trừ hết các yếu tố nguy hiểm, độc hại.

• **Phương tiện bảo vệ cá nhân gồm:**

- Phương tiện bảo vệ đầu: Mũ chống chấn thương sọ não, lưới, mũ vải bao tóc....
- Phương tiện bảo vệ mắt, , mặt: Kính mắt, mặt nạ....
- Phương tiện bảo vệ cá nhân cơ quan hô hấp: Khẩu trang, mặt nạ phòng độc...
- Phương tiện bảo vệ tay, chân: Giày, ủng, bít tất....
- Phương tiện bảo vệ thân thể: Áo quần, yếm choàng chống nóng, chống rét.....
- Phương tiện chống ngã cao: Dây an toàn,....
- Các loại phương tiện đảm bảo AT-VSLĐ khác....do nhà nước quy định.

Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

•1. MŨ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

•1.1. Mục đích, phân loại, cách bảo quản:

•Mục đích: là 1 loại PTBV CN, được trang bị cho người lao động để bảo vệ vùng đầu.

•Phân loại: thường dùng 2 loại mũ bảo hộ lao động là mũ được làm từ vải mềm hoặc mũ được làm từ nhựa cứng.

+ Mũ mềm thường được trang bị cho người lao động trong các ngành nghề như: dệt,

may, chế biến thực phẩm.....Mũ có tác dụng bảo vệ đầu và gói gọn tóc vào trong.

+ Mũ cứng/mũ nhựa thường được trang bị cho NLĐ trong các ngành nghề như: khai khoáng, xây dựng....có tác dụng bảo vệ đầu, tránh các vật rơi từ trên cao hay vấp ngã

Bảo quản: thường xuyên giữ gìn sạch sẽ, cất giữ ở nơi khô ráo, tránh rơi vỡ và va đập.



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

2. Quần áo bảo hộ

- Mục đích: là 1 loại PTBV CN, được trang bị cho người lao động để bảo vệ thân thể
- Phân loại: có nhiều loại quần áo bảo hộ tùy từng mục đích sử dụng: quần áo phòng sạch, quần áo hóa chất,...
- Bảo quản: Để nơi khô ráo, hạn chế dính dầu mỡ, hóa chất, thường xuyên giặt, tránh giặt chung với các đồ bình thường



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

3. Giày bảo hộ

Dùng để bảo vệ chân tránh va đập gai nhọn, đá sỏi bẻ,... và nhiều vật tư, thiết bị có cạnh sắc bén. Nó còn giúp tăng cường cách điện từ thân người đến vật mang điện nếu lỡ đụng phải.

Khi mang giày phải được chọn đúng số, kích cỡ bàn chân và phải cột dây giày cẩn thận, chắc chắn khi làm việc ở dưới đất hoặc leo lên cao.

Khi không sử dụng giày phải được để ngay ngắn, đúng vị trí, nếu bẩn phải giặt sạch



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

4. Găng cách điện, ủng cách điện, ghế cách điện

Găng, ủng, ghế cách điện giúp tăng cường độ cách điện cho công nhân khi công tác, chúng được chế tạo đặc biệt có độ cách điện thích hợp với từng cấp điện thế.

Găng, ủng trước khi sử dụng phải kiểm tra bằng cách cuộn tròn từ ống đến các đầu ngón tay, đầu ủng hoặc dùng dụng cụ thổi găng ủng để bơm hơi vào để xem có bị xì hơi không

Tuyệt đối không được dùng sai cấp điện áp cách điện, không dùng sai mục đích. Thí dụ: găng cách điện dùng bốc vác vật tư, ủng cách điện lội sình lầy, ghế cách điện dùng kê đồ, ...

Các loại găng tay, ủng, ghế cách điện đều phải thử nghiệm đúng định kỳ và phải đạt độ cách điện cho phép với từng cấp cách điện thế mới được phép sử dụng.

Găng tay, ủng, ghế cách điện khi sử dụng xong phải được lau sạch sẽ, để nơi khô ráo, tránh nơi có nhiệt độ cao có thể làm biến dạng găng, ủng và ghế.



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

5. Dây đai an toàn

Chức năng chính của các loại dây đai an toàn là bảo đảm an toàn cho người lao động khỏi té ngã khi làm việc trên cao, được ứng dụng rộng rãi ở các ngành nghề như điện lực, xây dựng, môi trường,....

Dây đai an toàn phải được thử nghiệm định kỳ theo đúng quy định.

Trước khi ra hiện trường công tác, mỗi công nhân phải tự kiểm tra dây an toàn của mình xem móc khóa còn tốt không, vòng chữ D để móc khóa còn tốt không, dây có bị tưa hay đứt chỉ may chỗ nào không. Phải thấy thật sự dây còn tốt, đảm bảo an toàn mới được phép sử dụng. Tự kiểm tra dây bằng cách đeo vào người rồi quàng vào vật chắc chắn ở dưới đất sau đó chụm chân lại ngã người ra phía sau 03 lần xem dây có hiện tượng gì không. Tuyệt đối không được dùng dây an toàn không còn đảm bảo an toàn hoặc qua thử nghiệm định kỳ không đạt yêu cầu.

Khi sử dụng xong phải cuộn lại và để nơi khô ráo, tránh bụi bặm, tránh dính dầu nhớt, không để gần nơi có nhiệt độ cao. Nguồn nhiệt cao có thể làm chùng da, cứng da, dây dễ bị nứt.



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

6. Nút tai và bao tai:

Là loại PTBV CN để bảo vệ cơ quan thính giác khỏi sự tác động của tiếng ồn.

Có 2 loại PTBV CN phòng chống tiếng ồn, đó là: nút tai và bao tai.

+ *Nút tai: thường được làm bằng chất dẻo, chất dẻo xốp hoặc bông. Chúng thường được sử dụng nhiều ở các nhà máy dệt.*

+ *Bao tai: Có cấu tạo gồm 2 lớp: bên ngoài là 1 lớp nhựa cứng, bên trong là 1 lớp mút xốp. Bao tai có khả năng giảm tiếng ồn tốt và được sử dụng phổ biến.*



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

7. Mặt nạ phòng độc:

Là loại mặt nạ là loại mặt nạ được sử dụng để bảo vệ người dùng hít phải khói độc, các chất ô nhiễm, hóa chất trong không khí

– Nên bảo dưỡng mặt nạ phòng độc thường xuyên, ít nhất 3 tháng một lần.

Kiểm tra nếu thấy mặt nạ có dấu hiệu nứt vỡ thì cần thay ngay, tránh nguy hiểm xảy ra.

– Thay phin lọc định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Mỗi loại mặt nạ phòng độc sẽ có thời gian sử dụng phin lọc nhất định. Vì thế bạn cần kiểm tra kỹ lưỡng thời gian phin lọc hết hạn để thay thế kịp thời.

– Thay hộp lọc của mặt nạ phòng độc khi hết hạn sử dụng, bị nứt vỡ hoặc bụi bám quá nhiều khiến quá trình hô hấp khó khăn.



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Hướng dẫn sử dụng màu trong 5S

Màu sắc	Ứng dụng
Màu xanh lá 	Các thiết bị an toàn, lối thoát hiểm, thiết bị sơ cấp cứu, hướng dẫn các hành động khẩn cấp, biểu ngữ an toàn, lối đi bộ an toàn, thùng rác thông thường, sinh hoạt
Màu đỏ 	Cảnh báo nguy hiểm, hệ thống chữa cháy, nhãn thiết bị chữa cháy, biển báo cấm, hàng lỗi, hỏng
Màu vàng, da cam  	Thiết bị bảo vệ máy, lối đi, hàng rào, cảnh báo, lưu ý nguy hiểm, thùng rác nguy hại

Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Các thiết bị an toàn, lối thoát hiểm, thiết bị sơ cấp cứu, hướng dẫn các hành động khẩn cấp, biểu ngữ an toàn, lối đi bộ an toàn, thùng rác thông thường, sinh hoạt



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Cảnh báo nguy hiểm, hệ thống chữa cháy, nhãn thiết bị chữa cháy, biển báo cấm, hàng lối, hòng



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Cảnh báo nguy hiểm, hệ thống chữa cháy, nhãn thiết bị chữa cháy, biển báo cấm, hàng lối, hỏng

GHS – Hazard Pictograms and correlated exemplary Hazard Classes				
Physical Hazards				
				
Explosives	Flammable Liquids	Oxidizing Liquids	Compressed Gases	Corrosive to Metals
Health Hazards				Env. Hazards
				
Acute Toxicity	Skin Corrosion	Skin Irritation	CMR ¹⁾ , STOT ²⁾ , Aspiration Hazard	Hazardous to the Aquatic Environment

1) carcinogenic, germ cell mutagenic, toxic to reproduction / 2) specific target organ toxicity

Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Thiết bị bảo vệ máy, lối đi, hàng rào, cảnh báo, lưu ý nguy hiểm, thùng rác nguy hại



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Đánh dấu thiết bị và hàng tồn: Đồ bảo hộ, biển tên máy, khu vực, biển chỉ dẫn giao thông



Phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, chỉ dẫn

Nhà kho, biển tên phòng, kệ, khuôn mẫu





THANKS FOR LISTENING